

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Ngô Tất Tố

#### Tiểu sử

Bút hiệu Xứ Tố, Đồ Tố ... Sinh năm 1894 tại Từ Sơn, Bắc Ninh.  
Mất ngày 20.4.1954 tại Yên Thế, Bắc Giang

#### Tác phẩm

Kinh dịch - Đường thi - Lều chõng – Tắt đèn – Việc làng



tranh Nguyễn Tư Nghiêm

### Mục Lục

Vài nét về tác giả – 2

Tắt đèn – 5

Ngô Tất Tố (1894-1954) – Lương Văn Hồng - 7

Nghệ thuật bầm thịt gà – 9

Ngô Tất Tố - Tô Hoài - 8

Ăn đất – 9

Ngô Tất Tố (1894 - 5.1954) và tình sử - Viên Linh - 15

#### Phụ đính:

Lớp người bị bỏ sót - Con gà thờ – Góc chiếu giữa đình

Một chiếc lăm lợn - Một tiệc ăn vạ

Miếng thịt giò hậu - Xâu lòng thờ - Đôi giày mắt dạy

Hộ đê - Gia thế ông Vũ Trọng Phụng

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài nét về tác giả

### Những cái chết tức tưởi của nhà văn, chuyện bây giờ mới kể Thái Doãn Hiếu

Tôi nghĩ mọi người Việt thế hệ chúng ta cần ôn lại bài học này, kể cả các đảng viên ĐCSVN. Ôn lại không phải để oán trách hận thù. Ôn lại cũng không phải để tự dày vò vì mặc cảm tội lỗi, nhưng để có một tâm tình sám hối lành mạnh. Ôn lại để từ thế hệ chúng ta trở đi không bao giờ còn vấp phải sai lầm kinh khủng của thời mê muội độc ác đó nữa.

#### Ngô Tất Tố

\*\*\*

Nhà văn Ngô Tất Tố

**Ngô Tất Tố** (1894 – 1954) là một nhà văn, nhà báo, nhà Nho học và nghiên cứu có ảnh hưởng ở Việt Nam giai đoạn trước 1954. Ngô Tất Tố là đại diện tiêu biểu cho những thay đổi của một lớp người trí thức trong giai đoạn giao thời, sự dung hòa tương thích giữa nền văn hóa mới và cũ.

Ngô Tất Tố sinh năm 1894 mất năm 1954 ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh (nay là thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội). Ông là con thứ hai, nhưng là trưởng nam trong một gia đình có bảy anh chị em, ba trai, bốn gái. Lúc còn nhỏ Ngô Tất Tố được thụ hưởng một nền giáo dục Nho học. Từ năm 1898, Ngô Tất Tố được ông nội dạy vỡ lòng chữ Hán ở quê, sau đó ông theo học ở nhiều làng quê trong vùng. Năm 1912, Ngô Tất Tố học tư chữ Pháp một thời gian ngắn và bắt đầu tham dự các kỳ thi truyền thống lúc bấy giờ vẫn còn được triều đình nhà Nguyễn tổ chức. Ông đỗ kỳ sát hạch, nhưng thi hương bị hỏng ở kỳ đệ nhất. Đến năm 1915, ông đỗ đầu kỳ khảo hạch toàn tỉnh Bắc Ninh, nên được gọi là đầu xứ Tố, rồi thi hương lần thứ hai, khoa Ất Mão, cũng là khoa thi hương cuối cùng ở Bắc Kỳ, ông qua được kỳ đệ nhất, nhưng bị hỏng ở kỳ đệ nhị.

Năm 1926, Ngô Tất Tố ra Hà Nội làm báo. Ông viết cho tờ An Nam tạp chí. Nhưng vì thiếu tiền, tờ báo này phải tự đình bản, Ngô Tất Tố cùng với Tần Đà đã vào Sài Gòn. Mặc dù không thật sự thành công trong cuộc thử sức ở Nam Kỳ, nhưng tại đây, Ngô Tất Tố đã có cơ hội tiếp cận với trí thức và văn hóa thế giới ở vùng đất khi đó là thuộc địa chính thức của Pháp cũng như theo đuổi nghề báo để chuẩn bị sau này trở thành một nhà báo chuyên nghiệp. Trong thời kỳ này, ông viết với các bút danh Bắc Hà, Thiết Khẩu Nhi, Lộc Hà, Tân Thôn Dân...

Sau gần ba năm ở Sài Gòn, Ngô Tất Tố trở ra Hà Nội. Ông tiếp tục sinh sống bằng cách viết bài cho các báo: *An Nam tạp chí, Thần chung, Phổ thông, Đông Dương, Hải Phòng tuần báo, Thực nghiệp, Con ong, Việt nữ, Tiểu thuyết thứ ba, Tương lai, Công dân, Đông Pháp thời báo, Thời vụ, Hà Nội tân văn...* với 29 bút danh khác nhau như : Thục Điểu, Lộc Hà, Lộc Đình, Thôn Dân, Phó Chi, Tuệ Nhơn, Thuyết Hải, Xuân Trào, Hy Cừ... Trong thời gian những năm 1936-1939, Ngô Tất Tố viết nhiều tác phẩm chỉ trích quan lại tham nhũng phong kiến. Hà Văn Đức, trong bài viết Ngô Tất Tố – Nhà văn tin cậy của nông dân (*báo Nhân dân, ngày 10 tháng 6 năm 1997*), cho biết năm 1935, Ngô Tất Tố từng bị chánh sở mật thám Hà Nội gọi lên “*để mua chuộc*”, nhưng ông từ chối. Ngoài ra, nhiều lần Ngô Tất Tố bị cấm viết báo và bị trục xuất khỏi Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Năm 1939, chính quyền thuộc địa ra lệnh cấm tác phẩm Tố đên. Nhà Ngô Tất Tố ở Bắc Ninh bị nhà chức trách khám xét và ông bị bắt giam ở Hà Nội vài tháng.

Về sự nghiệp báo chí, người ta tìm thấy 1.350 tác phẩm (*gần 4.500 trang*) đã đăng báo của Ngô Tất Tố với 59 bút danh khác nhau. Năm 2005, tại hội thảo Những phát hiện mới về thân thế và tư cách nhà văn hóa của Ngô Tất Tố, một thống kê khác được công bố cho biết trong 28 năm làm báo, Ngô Tất Tố đã viết gần 1.500 bài (*mới tìm thấy 1.360 bài*) cho 27 tờ báo và tạp chí với 29 bút danh. Di sản báo chí của Ngô

Tất Tố trở thành những tư liệu phong phú, chi tiết, phản ánh toàn diện và trung thực xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Các tác giả trong đề tài nghiên cứu nói trên kết luận rằng tiểu phẩm báo chí của Ngô Tất Tố đạt được năm thành tựu cơ bản: thuyết phục, truyền cảm, điển hình hóa mà không hư cấu; nghệ thuật trào lộng, đả kích và phong cách đậm đà bản sắc dân tộc. Về thái độ làm báo, Ngô Tất Tố được đánh giá là một nhà báo có dũng khí, trung thực, thẳng thắn, nhạy bén và cập nhật tình hình khẩn cấp

Với tư cách là nhà nghiên cứu, Ngô Tất Tố nghiên cứu rất nhiều thể loại khác nhau ông rất giỏi về nghiên cứu các thể loại văn thơ

Năm 1945, khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, Ngô Tất Tố tham gia vào ủy ban giải phóng ở xã Lộc Hà quê ông. Năm 1946, Ông gia nhập Hội văn hóa cứu quốc và lên Việt Bắc tham gia kháng chiến chống Pháp. Thời gian này, Ngô Tất Tố đảm nhiệm cương vị Chi hội trưởng chi hội văn nghệ Việt Bắc, hoạt động ở Sở thông tin khu XII, tham gia viết các báo Cứu quốc khu XII, Thông tin khu XII, tạp chí Văn nghệ, báo Cứu quốc trung ương... Ngoài ra, ông còn viết văn. Ngô Tất Tố được bầu vào vị trí ủy viên Ban chấp hành Hội văn nghệ Việt Nam tại đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất (1948).

Ngô Tất Tố được coi là nhà văn hàng đầu của trào lưu hiện thực phê phán ở Việt Nam trước 1945 với các tác phẩm tiêu biểu như Tắt đèn, Việc làng, Tập án cái đình.

Nhà văn Vũ Trọng Phụng (1912-1939) từng khen ngợi Tất Tố là “*một tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, từng lai chưa từng thấy*”. Phong Lê, trên Tạp chí Sông Hương tháng 12 năm 2003, gọi những tác phẩm viết về nông thôn của Ngô Tất Tố là “*một nhận thức toàn diện và sâu sắc, đầy trăn trở và xúc động về cảnh ngộ và số phận người nông dân Việt Nam*” đạt đến “*sự xúc động sâu xa và bền vững*”

Từ một góc nhìn khác, nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn, trong bài Ngô Tất Tố và một cách thích ứng trước thời cuộc trích từ cuốn *Nhà văn tiền chiến và quá trình hiện đại hóa* (Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2005), viết Tất Tố là một thiên tiểu thuyết “*rất xúc động*” khiến người đọc có thể “*hiều phen ứa nước mắt*”.

Còn thiên phóng sự Việc làng được coi là một trong những tác phẩm báo chí toàn diện và chi tiết nhất về bộ mặt nông thôn Việt Nam trước năm 1945. Phong Lê, trong bài đã dẫn, cho rằng Việc làng phản ánh “*tận chiều sâu những cội rễ của cả hai mặt phong tục và hủ tục, nó tồn tại dai dẳng đến thế, không chỉ đến thời Ngô Tất Tố viết Việc làng, mà cả cho đến hôm nay*”.

Tính chất giao thời trong ngòi bút của Ngô Tất Tố thể hiện rõ nét trong tác phẩm *Lều chõng*

*Lều chõng* ghi lại một thiên phóng sự tiểu thuyết về chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến trong những ngày cuối cùng, dưới triều Nguyễn, miêu tả tấn bi kịch của những nhà nho có tài trong xã hội phong kiến và được coi là lời chỉ trích sâu sắc những tồn tại của nền văn hóa cũ.

Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan nhận xét về sự thay đổi ở Ngô Tất Tố: “*ông vào số những nhà Hán học đã chịu ảnh hưởng văn học Âu Tây và được người ta kể vào hạng nhà nho có óc phê bình, có trí xét đoán có tư tưởng mới*” (Nhà văn hiện đại)

Tác phẩm của Ngô Tất Tố:

- Ngô Việt Xuân Thu (*dịch, 1929*);
- Hoàng Hoa Cương (*dịch, 1929*);
- Vua Hàm Nghi với việc kinh thành thất thủ (*truyện ký lịch sử, 1935*);
- Đề Thám (*truyện ký lịch sử, viết chung, 1935*);
- Tắt đèn (*tiểu thuyết, báo Việt nữ, 1937*), (*Mai Lĩnh xuất bản, 1939*);

- Lều chõng (*phóng sự tiểu thuyết, báo Thời vụ, 1939-1944*), (Mai Lĩnh xuất bản, 1952);
- Tập án cái đình (*Phóng sự, 1939*);
- Thơ và tình (*dịch thơ Trung Quốc, 1940*);
- Đường thi (*sưu tầm, chọn và dịch, 1940*);
- Việc làng (*phóng sự, báo Hà Nội tân văn, 1940-1941*), (Mai Lĩnh xuất bản, 1941);
- Thi văn bình chú (*tuyển chọn, giới thiệu, 1941*);
- Văn học đời Lý (*tập I*) và
- Văn học đời Trần (*tập II*) (*trong bộ Việt Nam văn học*) (*ngiên cứu, giới thiệu, 1942*);
- Lão Tử (*biên soạn chung, 1942*);
- Mặc Tử (*biên soạn, 1942*);
- Hoàng Lê nhất thống chí (*dịch, tiểu thuyết lịch sử, báo Đông Pháp, 1942*);
- Suối thép (*dịch, tiểu thuyết, 1946*);
- Trước lửa chiến đấu (*dịch, truyện vừa, 1946*);
- Trời hửng (*dịch, truyện ngắn, 1946*);
- Duyên máu (*dịch, truyện ngắn, 1946*);
- Doãn Thanh Xuân (*dịch, truyện ngắn, 1946-1954*);
- Địa dư các nước châu Âu (*biên soạn chung với Văn Tân, 1948*);
- Địa dư các nước châu Á, châu Phi (*biên soạn chung với Văn Tân, 1949*);
- Địa dư Việt Nam (*biên soạn, 1951*);
- Nữ chiến sĩ Bùi Thị Phác (*kịch bản chèo, 1951*);
- Đóng góp (*kịch, 1951*);
- Kinh dịch (*chú giải, 1953*);
- Ngô Tất Tố và tác phẩm (*tuyển tập, 2 tập, Nhà xuất bản Văn học, 1971, 1976*);
- Ngô Tất Tố – Toàn tập (*5 tập, Nhà xuất bản Văn học, 1996*);
- Ngô Tất Tố – Toàn tập, bộ mới (*dự kiến 30 tập, Nhà xuất bản Hội nhà văn – Công ty văn hóa Phương Nam, 2005*).

\*\*\*

Gần ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội Văn nghệ Việt Nam họp trên đồi Nhã Nam. Cuộc đấu tố của văn nghệ sĩ diễn ra gay gắt căng thẳng. Người ta đã vu cáo những chuyện tày trời, quyết liệt dồn Ngô Tất Tố vào tận chân tường. Tác giả Lều chõng và Việc làng đã phạm tội phục cổ nhằm mục đích gì? Và, Ngô Tất Tố đã qua đời vào đêm 20 tháng 4 năm 1954 bằng thất cổ tại nhà riêng ở Yên Thế, Bắc Giang. Cái sự chết của nhà văn khắc nghiệt đến mức nghĩa trang liệt sĩ xã ở địa phương từ chối không cho chôn.

\*\*\*

Cụ “Đầu Xứ Tố” đã nổi tiếng thời văn chương tiền chiến với các tác phẩm viết về những hủ tục làng quê Việt Nam trước năm 1945. Trong Việc Làng, nhân vật đặc thù thàng mỡ là người có địa vị thấp hèn nhất. Mỗi khi làng có việc, thàng mỡ cùng vợ con phải phục dịch quan viên hai họ. Từ việc quét tước đình làng đến việc chia phần xôi, chia phần thịt lợn, thịt gà cho những chức sắc trong hương làng. Chiều xuống, làng xóm khi đã lên đèn, mỡ ta cầm chiếc mỡ làm bằng gốc tre, khoét rỗng ruột, đi quanh làng gõ cóc cóc rao việc làng. Từ hình ảnh thàng mỡ đó, cụ “Đầu Xứ Tố” mô tả những nhân vật rất đặc thù trong Chia Xôi, Nghệ Thuật Băm Thịt Gà...

Xuân Sách...”liên hệ” thàng mỡ của cụ “Đầu Xứ Tố” trong tập Việc Làng đến những thàng mỡ thời

đại, thời mở cửa...”Ăn như rồng cuốn, nói như rồng  
leo, làm như mèo mửa qua bài thơ như sau đây  
Tài ba thằng mỡ cỡ chuyên viên  
Chia xôi, chia thịt, lại chia quyền  
Việc Làng, việc nước là như thế  
Lộn xộn cho nên phải *Tắt Đèn*

Lý Hồng Nhân

(trích trong *Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn* với Xuân Sách)

## Tắt đèn



Bắt đầu từ gà gáy một tiếng, trâu bò lục tục kéo thợ cày đến đoạn đường phía trong điểm tuần.

Mọi ngày, giờ ấy, những con vật này cũng như những người cõ cày, vai bừa kia, đã lần lượt đi mò ra ruộng làm việc cho chủ. Hôm nay, vì cổng làng chưa mở, chúng phải chia quãng đứng rải rác ở hai vệ đường, giống như một lũ phu cờ chờ đón những ông quan lớn.

Dưới bóng tối của rặng tre um tùm, tiếng trâu thở phì phò, tiếng bò đập đuôi đen đét, xen với tiếng người khạc khúng khắng.

Cảnh tượng điểm tuần thỉnh linh hiện ra trong ánh lửa lập lòe của chiếc mồi rơm bị thổi. Cạnh dẫy sào, giáo ngả nghiêng dựng ở giáp tường, một lũ tuần-phu ló nhỏ ngời trên lớp chiếu quần quèo. Có người phì phò thổi mồi. Có người vờ vờ mồi thuốc và chìa tay chờ đón điều đóm. Có người há miệng ngáp dài. Có người dang hai tay dụi mắt. Cũng có người còn gối đầu trên cái miệng hiệu sừng trâu, ngảnh mặt vào vách mà ngáy.

Cái điều cày và cái đóm lửa bị năm, sáu người chuyên tay, chiếu đi, chiếu lại độ vài ba vòng, ánh lửa lại tắt, trong điểm chỉ còn tiếng nói chuyện rầm rầm.

Gà gáy giục. Trời sáng mờ-mờ.

Trâu bò, con đứng, con nằm, thi nhau quai hai hàm răng nhai trâu sông và nhả ra những cục nước bọt to bằng cái trứng.

Thợ cày khắp lượt dùng bắp cày, vai cày làm ghé ngời, cùng nhau bàn tán băng quơ về chuyện sưu thuế.

Những con chèo bẻo chéo choẹt hót trên ngọn tre, như muốn họa lại khúc ca réo rắt - mà người quê vẫn gọi là khúc “váy cô, cô cời” - của mấy con chào mào đậu trên cành xoan, đon đả chào vẻ tươi đẹp của cảnh trời buổi sáng.

Trong cổng vẫn đóng chặt. Tuần-phu lại lần lượt thổi mồi hút thuốc lào.

- Ông trương ơi, ông làm ơn mở cổng cho tôi đánh trâu ra đồng. Mọi ngày bây giờ tôi đã cày được ba sào ruộng rồi. Hôm nay, bây giờ còn nhong nhóng ở đây... Phỏng chừng từ giờ đến trưa, cày sao cho xong cái ruộng mẫu hai? Thôi ông làm phúc, làm đức...

Sau tiếng năn nỉ của anh chàng cục mịch, vai vác cày, tay cầm thùng trâu, trương tuần quẳng cái điều cày xuống đất, thở nốt khói thuốc trong miệng, rồi giương đôi mắt say thuốc lơ đãng:

- Nay chẳng xong thì mai! Ông lý đã bảo thuế còn thiếu nhiều, không cho một con trâu, bò nào ra đồng hết thầy...

- Thưa ông, ông chủ tôi nóng tính lắm kia! Ông ấy đã dặn buổi nay tôi phải cày cho xong ruộng ấy, nếu không xong, đến trưa về ăn cơm, ông ấy mắng như tát nước và nói như móc cơm ra... Chớ tôi có muốn vấp vả vào mình làm gì? Vả lại, ông lý sai tuần đóng cổng, cốt để bắt trâu, bắt bò của những người thiếu thuế kia chứ! Ông chủ tôi nộp thuế đủ từ hôm qua rồi, xin ông mở cổng cho tôi!...

Trương tuần nhăn mặt:

- Tôi không phải tộc biểu, không phải phần thu, biết đếch đâu ông chủ anh nộp thuế rồi hay chưa nộp. Bây giờ mở cổng cho anh, chốc nữa ông lý ông ấy chửi cha tôi lên, anh có nghe hộ tôi không?

Anh chàng cục mịch lúi thủi đánh trâu gồng cày lúi xuống, để nhường khu đất trước điểm cho người khác vác bừa và đuổi trâu lên.

- Người ta cắt bỏ trâu của nhà, ông chẳng cho thì chớ. Đây tôi, trâu thuê... đồng hai một buổi đắp, ông ạ. Xin ông lượng tình mà mở cổng cho tôi ra đồng, kéo trưa quá mất rồi.

Người ấy nói tuy thiết-tha, trương tuần chỉ đáp lại bằng cái lắc đầu:

- Nếu trưa quá thì bừa luôn đến chiều. Trâu thuê sợ gì!

- Thế được thì còn gì nói chuyện gì nữa! Của một đồng tiền, ai để cho mình ộp nó đến chiều! Chỉ đến non trưa, ông chủ có trâu cho thuê đã ra tận ruộng tháo vai trâu mà dắt trâu về, muốn bừa thêm một nửa đường nữa, người ta cũng không cho, ông ạ. Thôi! Mùa làm ăn, ông nghĩ lại...!

- Tôi chẳng nghĩ lại, nghĩ đi gì cả! Bớ tôi sống lại, bảo tôi mở cái cổng này bây giờ, tôi cũng xin chịu, đừng nói anh...

Người ấy lại vác bừa, đưa trâu trở lại chỗ cũ với cái sắc mặt thùi thùi.

Mặt trời ngấp nghé mặt lũy, muốn nhòm vào điểm. Tuần phiên lẻ tẻ vác sào, cấp chiếu, đeo hiệu đi về. Trong điểm chỉ còn trương tuần đuổi gố kiểu gọng bừa, ngồi trên chiếc chiếu điểm những tro mồi, bã điếu, đốc suát mấy tên đàn em ở lại canh ngày.

Xa xa nẻo trong đình, một hồi mõ cá thật dài, tiếp luôn đến trống ngũ liên nện đủ ba hồi chín tiếng.

Như có vẻ kinh ngạc về những thứ hiệu lệnh dữ dội, mấy con trâu bò đang nằm còng queo trên đường, đồng thời lóp ngóp đứng dậy.

- Mẹ cha chúng nó! Hôm nay vẫn chưa đóng thuế, chúng nó định để tội vạ cho ai? Được! Cứ bướng đi, ông thì bắt hết trâu bò! Bán ráo!...

Tiếng chửi om sòm như giục mấy chục cặp mắt ngơ ngẩn của bọn cày đều phải nghiêng về phía đình. Ông lý nách cặp cuốn sổ, một tay cầm gậy song, một tay xéch đôi ống quần móng lợn, vừa đi ra phía điểm tuần vừa thét mắng những người chậm thuế.

Đã năm hôm nay, nghĩa là sau khi bài bỏ trình phủ đã giao về với một chữ “y”, lý trưởng Đông Xá ngày nào cũng vất vả về thuế.

Đầu tiên hắn còn cho mõ đi rao. Rồi đến tộc biểu, phân thu đi hỏi. Rồi đến đầy tớ của hắn đưa đầy tớ chánh-tổng đi thúc từng người. Trong năm ngày nay, ngày nào cũng vậy, mõ cá, trống thúc liên hồi, hiệu ốc, hiệu sừng thổi inh ỏi. Suốt từ sáng sớm cho đến tối mịt, trong làng lúc nào cũng như đám đánh cướp. Bây giờ đã gần đến ngày đổ thuế, công việc càng gấp. Hôm qua hắn đã lên phủ, xin với ông phủ phái cho một người cai lệ và hai người lính cơ về làng để trừng trị những kẻ bướng bỉnh. Nhờ có cái thần thế ấy, hắn mới chửi rửa, thét mắng khắp làng cho oai.

Thợ cày và tuần phu đều biết cái hách dịch của ông lý, ai nấy chỉ đáp lại những câu chửi chùm chửi lợp bằng sự nín im.

Trâu, bò nhiều con vầy tai như muốn chào một người chúc việc chăm chỉ phận sự trong khi người ấy qua trước mặt chúng.

Bước lên sàn điểm, lý trưởng quăng tạch cuốn sổ xuống bàn, giơ tay chỉ vào mặt mấy tên đàn em:

- Hiệu không thổi, để làm sỏ bố chúng mày à?

Một hồi còi tu tu đồng thời nổi lên, hiệu sừng xen với hiệu ốc cố theo đúng lệnh của “nhất lý chi trưởng”.

Đập hai bàn chân vào nhau, giữ cho sạch bụi, rồi co chân lên ngồi vào chiếu, lý trưởng vớ luôn lấy cái điếu cày và sai tuần phu lấy đóm, thổi lửa.

Mấy anh thợ cày của những điền chủ đã nộp đủ thuế, bạo dạn tiến đến trước mặt ông lý:

- Thưa ông, thưa lăm rồi! Xin ông cho tuần mở cổng để chúng tôi đánh trâu đi cày!...

- Thong thả! Hãy đứng đấy! Cày đã nóng bằng thuế của nhà nước à?

Vừa nói, lý trưởng vừa giật mỗi thuốc vào điếu, hút luôn một xạp ba điếu. Khói thuốc theo hai lỗ mũi tuôn ra như hai ngà voi, lý trưởng đồng dặc:

- Trương tuần, anh bảo nó mở cổng ra. Nhà nào đủ thuế thì cho trâu bò ra đồng. Còn nhà nào

thiếu thì bắt trâu bò điếu cả về đình cho tôi, để tôi liệu cho chúng nó!

Sau một tiếng dạ của trương tuần, mấy tên đàn em loay hoay tháo nơm, rút then cổng. Rồi cùng đứng choãi chân chèo, cố lấy hết sức của lực điền, họ kéo mãi mới được hai bức cánh lim bị sứt xuống gạch vì cối cổng đã mòn nhiều quá. Lý trưởng đứng lên mở sổ xướng tên những người đủ thuế cho trương tuần nghe. Ước chừng mười con trâu bò được đi với bọn thợ cày cùng ra ngoài cổng. Còn độ hai chục con nữa đều phải vâng lệnh ông lý, theo gót trương tuần và tuần phu lũ lượt kéo vào sân đình, chờ khi phải chịu tội thay cho chủ.

*(Vũ Trọng Phụng, "Tắt đèn của Ngô Tất Tố", đăng báo Thời Vụ, Hà Nội, số 100, ngày 31-1-1939)*

## Ngô Tất Tố (1894-1954) Lương Văn Hồng

Ngô Tất Tố (1894-1954) sinh ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội). Lúc còn nhỏ Ngô Tất Tố được thụ hưởng một nền giáo dục Nho học: ông nội dạy vỡ lòng chữ Hán ở quê, sau đó ông theo học ở nhiều làng quê trong vùng. Năm 1912, Ngô Tất Tố học tư chữ Pháp một thời gian ngắn và bắt đầu tham dự các kỳ thi truyền thống lúc bấy giờ vẫn còn được triều đình nhà Nguyễn tổ chức.

Ông đỗ đầu kỳ khảo hạch toàn tỉnh Bắc Ninh năm 1915, nên được gọi là đầu xứ Tố.

Năm 1926, Ngô Tất Tố ra Hà Nội làm báo. Ông viết cho tờ An Nam tạp chí. Nhưng vì thiếu tiền, tờ báo này phải tự đình bản, Ngô Tất Tố cùng với Tân Đà đã vào Sài Gòn. Sau gần ba năm ở Sài Gòn, Ngô Tất Tố trở ra Hà Nội. Ông tiếp tục sinh sống bằng cách viết bài cho các báo: An Nam tạp chí, Thần chung, Phổ thông, Đông Dương, Hải Phòng tuần báo, Thực nghiệp, Con ong, Việt nữ, Tiểu thuyết thứ ba, Tương lai, Công dân, Đông Pháp thời báo, Thời vụ, Hà Nội tân văn. Trong thời gian những năm 1936-1939, Ngô Tất Tố viết nhiều tác phẩm chỉ trích quan lại tham nhũng.

Ngô Tất Tố không chỉ là nhà văn mà còn là một nhà báo nổi tiếng. Trong 28 năm làm báo, Ngô Tất Tố đã viết 1.360 bài cho 27 tờ báo và tạp chí với 29 bút danh. Những tác phẩm tiêu biểu của Ngô Tất Tố là **Tắt đèn** (tiểu thuyết, báo Việt nữ, 1937), (Mai Lĩnh xuất bản, 1939), **Lều Chông** (phóng sự tiểu thuyết, báo Thời vụ, 1939-1944), (Mai Lĩnh xuất bản, 1952), **Việc làng** (phóng sự, báo Hà Nội tân văn, 1940-1941), (Mai Lĩnh xuất bản, 1941), Thi văn bình chú (tuyển chọn, giới thiệu, 1941), Văn học đời Lý (tập I) và Văn học đời Trần (tập II) (trong bộ Việt Nam văn học) (nghiên cứu, giới thiệu, 1942), **Hoàng Lê nhất thống chí** (dịch, tiểu thuyết lịch sử, báo Đông Pháp, 1942), Kinh dịch (chú giải, 1953)

Ngô Tất Tố được coi là nhà văn hàng đầu của trào lưu hiện thực phê phán ở Việt Nam trước 1945 với các tác phẩm tiêu biểu như Tắt đèn, Việc làng, Tập án cái đình, Lều Chông. Phong Lê, trên Tạp chí Sông Hương tháng 12 năm 2003, gọi những tác phẩm viết về nông thôn của Ngô Tất Tố là "một nhận thức toàn diện và sâu sắc, đầy trăn trở và xúc động về cảnh ngộ và số phận người nông dân Việt Nam" .

Tiểu thuyết Tắt đèn là tác phẩm văn học tiêu biểu nhất của nhà văn Ngô Tất Tố . Tác phẩm nói về cuộc sống khốn khổ của tầng lớp nông dân Việt Nam đầu thế kỉ 20 dưới ách đô hộ của thực dân Pháp. Câu chuyện xoay quanh nhân vật chính là chị Dậu và gia đình. Do sưu cao thuế nặng trong xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời chị Dậu phải bán con, khoai và bán cả bầy chó để lấy tiền nộp sưu thuế cho chồng. Cảnh chị Dậu chạy ra giữa màn trời đêm



tối đen như mực cho thấy viễn cảnh đen tối của chị và gia đình. Tất đèn phê phán chế độ thực dân nửa phong kiến đương thời đầu thế kỷ 20.

Nhà văn Vũ Trọng Phụng (1912-1939) từng khen ngợi **Tất đèn** là "một tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác." Nghề báo đòi hỏi sự thích ứng với thời cuộc. Ngô Tất Tố đã thích ứng được trên con đường văn nghiệp của ông. Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan nhận xét: "ông vào số những nhà Hán học đã chịu ảnh hưởng văn học Âu Tây và được người ta kể vào hạng nhà nho có óc phê bình, có trí xét đoán có tư tưởng mới". Nhà phê bình Vương Trí Nhàn nhận xét: "Về mặt tính cách, người ta thấy Ngô Tất Tố gắn liền với lớp người trưởng thành từ đầu thế kỷ (thế kỷ 20) (những Phan Kế Bính, Nguyễn Trọng Thuật, Phạm Duy Tồn...) thì tác phẩm của ông lại thường được xếp cạnh tác phẩm Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng nghĩa là thuộc về một giai đoạn những năm 30 huy hoàng của thế kỷ 20.

## Nghệ thuật băm thịt gà

Từ khi thôi học, tính ra đã gần mười năm, bây giờ tôi mới lại gặp Lãng Vân. Những chuyện tích lại trong một thời gian khá dài, lúc ấy được dịp xuất hiện nó đã làm cho chúng tôi đều phải quên ngủ, tuy đêm đã khuya. Ngoài sân trời tối như mực và mưa sùi sụt, nước mưa rả rích giọt xuống đầu thềm, như thêm về chữa chan cho mỗi tình cửu biệt. Gà bắt đầu gáy. Dưới bếp bỗng có tiếng người khậm khoặc. Rồi thấy bóng đèn lập lòe. Một lát sau, nghe có tiếng gà đập cánh phành phạch và kêu quang quác. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Người nhà đã sắp làm cơm đấy sao?

Lãng Vân lắc đầu: - Không! Sáng mai nhà tôi phải chứa hàng xóm. Chứa xóm cố nhiên không phải là một đầu đề để nói chuyện. Chúng tôi lảng ra chuyện khác. Đồng hồ điểm hai tiếng mới cùng trùm chăn nằm ngủ. Giấc ngủ của tôi đương ngon, thỉnh thoảng bị tan bởi mấy tiếng lộc cộc của guốc, và gậy nện xuống thềm gạch. Tôi bừng mắt ra, trời đã sáng rõ, trong nhà lổ nhổ mấy ông cụ già khăn áo tề chỉnh, Lãng Vân đang xoắn xe chào mời các cụ một cách cung kính. Giữ lễ xã giao với người lạ, tôi vội tung chăn ngồi dậy và đương lúng túng chưa biết nên ở đó hay lánh đi đâu, Lãng Vân đã bưng đến chỗ tôi ngồi một bộ bàn chè, một siêu nước sôi, bảo tôi cứ việc pha nước và uống tự nhiên. Người đến mỗi lúc một đông. Già có, trẻ có, đứng bóng có. Toàn là đàn ông tất cả. Trong nhà giường phản chật hết, người nhà phải quét cái thềm mưa ướt rơm rộp, rồi trải chiếu lên, để làm chỗ ngồi cho mấy ông tí nhau. Hàng xóm vẫn lục tục kéo đến với những bàn chân đất lấm bê bê. Ai cũng như nấy, sau khi đã đến bề nước giọt qua, người ta đi nhón lên thềm, chùi chân vào cái chổi rơm làm phép, rồi bước xam xạp lên chiếu.

- Sao không lấy gi mà che, lại đi đội trời thế kia! Nước mưa ướt cả đồ lễ!

Tiếng thét đồng dục của một ông già ở phần bên kia vừa dứt, thì ở dưới sân, một người vừa lù lù bưng mâm xôi gà lên thềm và đặt vào chiếc phản giữa. Rồi một người khác để luôn lên đó hai chai rượu lớn. Con gà cũng không nhỏ lắm, ước chừng một người ăn cố mới hết. Cỗ xôi vừa kín cái lòng mâm đồng, nó phải độ bốn đấu gạo! Còn hai chai rượu thì đầy ăm ắp, hạng chai ba phần tư lít. Mọi người ngồi yên, một ông đàn anh ra lệnh:

- Hàng xóm đã đến đông đủ! Thăng Mới đem làm cỗ đi! Thì ra cái người đội mâm xôi gà lúc nãy chính là mõ làng. Hấn dạ một tiếng thật dài rồi khép nép đứng tựa bên cột:

- Thừa các cụ làm bao nhiêu cỗ?

Ông đàn anh ấy lại lên giọng:

- Mà trông xem có bao nhiêu người kiến tại.

Thăng Mới liếc mắt một lượt từ trong nhà ra đến ngoài thềm, rồi thưa:

- Băm ba mươi người tất cả.

Ở đầu dãy phản tay phải, thấy có tiếng hỏi: - Hàng xóm ta mười mấy suất, cụ còn nhớ không? Rồi có tiếng đáp:

- Năm ngoái bảy mươi tám suất, năm nay mới thêm năm suất thế là tám mươi ba suất cả thầy. Ông đàn anh vừa rồi nhìn vào thằng Mới:

- Vậy thì phải làm hai mươi ba cỗ, tám cỗ kiến tại, một cỗ chứa, một cỗ cho mày, còn mười ba cỗ làm phần.

Câu nói của ông ấy khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Một con gà và bảy nhiều xôi mà làm đến mấy chục cỗ, thì làm ra sao? Chắc là còn có món gì khác nữa.

Tôi nghĩ như thế. Nhưng mà không. Chẳng có chi hết. Người nhà chỉ bưng lên thêm hai thúng bát đĩa, một con dao, một cái thớt, một liễn nước mắm và hai chõng mâm. Thằng Mới lễ bễ bưng mâm xôi gà ra thêm. Hấn nhắc con gà sang chiếc mâm khác, rồi chữa cỗ xôi hình tròn ra hình vuông. Ôi lạ! Con gà làm được hơn hai chục cỗ, thật là một kỳ công! Tôi phải giả vờ đứng dậy ra sân để đến tận nơi mà coi cho rõ. Thằng Mới đặt thừ con dao lên mặt cỗ xôi, hấn tính lăm bằm giây lát, rồi xắn một chiều làm sáu, một chiều làm bốn. Sau khi lấy một miếng xôi véo ra từng tí để phụ vào các miếng kia, hấn nhắc mâm xôi sang một bên cạnh và kéo cái thớt vào chỗ trước mặt. Cái thớt khí trũng, hấn gọi thằng nhỏ đổi cho cái khác. hấn lăm bằm một mình:

- Băm thịt gà cần phải dao sắc, thớt phẳng. Nếu mà dao cùn thớt trũng thì thịt sẽ bong hết da! Vừa nói, hấn vừa vói sang thúng đĩa lấy đủ chục chiếc, bày la liệt trên mặt thêm. Thằng nhỏ đã xách lên đó chiếc thớt mới nguyên, sắc gỗ nghiêng còn đồ đồng đọc. Nhanh nhẩu, hấn sờ ngón tay vào lưỡi con dao, xem có bén không. Và hấn lật cái tròn bát liếc luôn ba lượt thật mạnh.

Bây giờ mới giờ đến bộ lòng gà. Mề, gan, tim, phổi, các thứ đều được thái riêng và được bày riêng vào một góc đĩa. Tuy nó mới chỉ một dúm con con, nhưng trong mười đĩa không đĩa nào thiếu một thứ nào. Rồi hấn nhắc cả con gà ra thớt. Bắt đầu chặt lấy cái sỏ, sau mới chặt đến miếng phao câu. Thành linh thấy hấn đứng lên ngoảnh mặt vào phía mấy ông đàn anh:

- Thừa trình các cụ, hôm nay sỏ gà pha mấy? Phao gà pha mấy?

Một ông trong bọn nhìn qua vào đám nhiều tuổi, hình như để đếm đầu người, rồi đáp:

- Ở đây chỉ có năm cụ và bốn ông đàn anh. Vậy thì sỏ gà pha năm, phao gà pha bốn.

Hấn lại ngồi xuống chỗ cũ. Trước hết ghè dao vào giữa hai miếng mỏ gà để cắt cái sỏ ra làm hai mảnh.

Rồi hấn úp cả đôi mảnh xuống thớt, chặt mảnh mỏ dưới làm đôi và mảnh mỏ trên làm ba. Tôi không biết những miếng thịt gà này có đều nhau không, chỉ thấy tất cả năm miếng, miếng nào cũng có dính một tí mỡ. Tiếp đến cuộc pha phao câu. Công việc tuy không lấy gì làm khó, nhưng hấn làm cũng vẫn có vẻ khác người. Bốn miếng phao gà, miếng nào cũng có đầu bầu, đầu nhọn, chẳng khác nào một cái chũm cau chế tự. Sỏ gà bày vào một đĩa, phao gà bày vào một đĩa. Hấn lại cắt lấy hai chiếc cánh gà, chặt luôn làm hơn mười miếng và bày vói đôi chân gà làm thêm một đĩa nữa. Bây giờ thì đến mình gà.

Hấn lách lưỡi dao vào sườn con gà, cắt riêng hai cái tòi gà bỏ góc mâm. Rồi lật ngửa con gà lên thớt, hấn ướm dao vào giữa xương sống và giơ dao chém luôn hai nhát theo chiều dài cái xương ấy. Con gà bị tách ra làm hai mảnh. Mỗi mảnh đều có một nửa xương sống. Một tay giữ thối thịt gà, một tay cầm con dao phay, hấn bằm lia lia như không chú ý gì hết. Nhưng mà hình như tay hấn đã có cỡ sẵn, cho nên con dao của hấn giơ lên, không nhát nào cao, không nhát nào thấp. Mười nhát như một, có khi chỉ lên khỏi mặt thớt độ khoảng một gang, và cách cái ngón tay hấn độ vài ba phân.

Tiếng dao công cốc đụng vào mặt thớt, nhịp nhàng như tiếng mõ của phường chèo, không lúc nào mau, cũng không có lúc nào thưa. Mỗi tiếng cốc là một miếng thịt gà băng ra. Miếng nào cũng như miếng ấy, đứt suốt từ xương đến da, không còn dính nhau mảy may. Trông những miếng thịt gà của hấn bốc ra góc mâm, mới đẹp làm sao! Không giập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh con bướm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước. Băm xong con gà, hấn móc túi lấy một nắm tằm. Mỗi miếng thịt gà, hấn khâu cho một cái

tắm vào giữa. Rồi hấn cắm vào mâm xôi. Cứ mỗi tảng xôi là bốn xâu thịt. Thịt vừa hết, xôi cũng vừa khấp. Té ra cái mình con gà, hấn đã băm được 92 miếng. Lãng Vân cười và hỏi tôi:  
- Anh đã chịu nghề băm thịt gà của ông Mớì làng tôi chưa? Nhà hấn ba đời làm cái nghề ấy, thì mới thạo được như thế. Người khác để ai làm nổi!

Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mớì ấy cái chức nghệ sĩ.

## Ngô Tất Tố Tô Hoài

(trích *Cát Bụi Chân Ai*)

Ngổn ngang tâm sự và tâm trạng chua chát, mỉa mai, lại hài hước. Có người quen thân, có người chỉ sơ sơ, bây giờ moi móc những việc, những lời đã nói, bắt kể nói lúc nghiêm trang hay khi vui chén bông đùa, được dẫn chứng bằng cứ ra, phân tích cho nhau rõ ranh giới địch ta. Chỉ Nguyễn Tuân mới nhớ lâu và để bụng những câu góp ý ấy. Có những người rồi Nguyễn Tuân không bao giờ dàn mặt nữa. Đến lượt, ai cũng phải suốt buổi ngồi chịu trận nghe cả tổ mắng xa xả, vi vút. Kim Lân kể dạo ở trên chợ Chu, trong một cuộc kiểm điểm, Ngô Tất Tố bị một anh xưa nay bác Ngô vẫn không coi ra gì, bây giờ phải nghe anh ấy sát phạt lên lớp cho. Ngô Tất Tố quệt nước mũi vào gốc cây, sụt sùi nói với Kim Lân:

- Làm người khó lắm, bác ạ.

Khổ một nỗi, có người nghe phê bình, cứ tiếp thu thun thút, còn mình hoạ thêm lỗi mình cho ra thêm nữa. Thế mà cũng không được tin, lại bị tố cáo là hời hợt, trốn đầu tranh. Có người bỗng thật thấy mình sai, nhận ngay cũng lại bị cho là nông cạn, con vẹt, thiếu đào sâu suy nghĩ. Đến lượt Nguyên Hồng trình bày, lại đặt chồng báo Văn ra trước mặt, giờ từng số, vừa nói vừa ứa nước mắt. Chịu chẳng ai phân tích ra thế là kể công hay nhận tội. Tôi dự các cuộc chỉnh huấn đã nhiều, có người lo quá, cả tháng không chợp mắt, như ở báo Cứu Quốc, một cậu còn trẻ, đã vào rừng thất cổ.

Phương châm trị bệnh cứu người là ngồi nghe không được nói lại, đợi đến lúc phát biểu thì tiếp thu. Dao kéo chỉnh huấn của tôi cũng đã hăng hái mổ xẻ nhiều người lắm. Mùa đông 1951, ở rừng Chiêm Hoá, hai tháng dự lớp đầu tiên chỉnh huấn gọi là theo phương pháp Hoa Nam. Lớp ấy nòng cốt các ngành các giới và địa phương học xong về toả ra rộng khắp. Trần Dần và Tử Phác phụ trách chỉnh huấn trong văn nghệ quân đội. Đặng Đình Hưng và Lê Đạt là cán bộ trên ban tuyên nghiên huấn Trung ương về mở các lớp cho giới văn nghệ. Đoàn cán bộ giáo vụ đi học chỉnh huấn ở Hoa Nam về mặc áo bông xanh Sỹ Lâm. Lớp tôi bé mạp, một số cán bộ vượt Trường Sơn vào làm chỉnh huấn và cải cách ruộng đất trong khu Năm. Đoàn còn được lệnh vào sâu hơn, nhưng mới tới miền Đông Nam Bộ thì hiệp định Giơnevơ 1954 được ký kết.

Nửa đêm trở dậy, giữa rừng đất hàng trăm bó đuốc lên, lấp loáng bằng khẩu hiệu vải đen chữ trắng... Bộc lộ khuyết điểm... Thước đo lòng trung thành... Trời rét cắt ruột. Rừng đêm tối như mực. Con người bán thiu lồi lằm đầy rẫy... Chưa... Chưa đủ thành khẩn, làm lại... lại làm lại. Mỗi lần làm lại, viết lại càng ngày càng áy náy lo. Cái chờ đợi được tổ thông qua cứ xa vời vợi. Chỉ có bộc lộ tội hủ hoá ngủ dậy thì cơ chừng nói ra dễ nhất, không có cũng đấm ngực bảo có, nhất là nam giới. Chết rồi còn bị khai trừ, vì tội trốn đầu tranh. Hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm tham gia một đợt giảm tô ở Thái Nguyên. Công tác dưới xã xiết chặt phăm pháp từng buổi, từng ngày, cả đội như một đơn vị ra trận. Hai ngày bắt rế, một ngày xâu chuỗi rồi hạp rế chuỗi, rồi trường thôn mới ở xóm ra mắt... Đội viên giảm tô Nguyễn Tư Nghiêm loay hoay cả tuần không

bắt được rế, không khâu chuỗi được một cổ nông nào. Nguyễn Tư Nghiêm hoảng quá phát đại, đi không nhớ đường về xóm. Suốt ngày vợ vẫn ngoài đồng, bắt cào cào, châu chấu ăn. Hoà sĩ Tạ Thúc Bình được cơ quan cho xuống đoàn xin Nguyễn Tư Nghiêm về. Chưa bao giờ tôi hỏi lại xem ngày ấy Nguyễn Tư Nghiêm điên thật hay sợ phải ngồi chuồng trâu kiểm thảo đã sáng tác ra trò Vân đại ấy.

Chính huấn xong ở Chiêm Hoá, về tổ chức chính huấn trí thức và văn nghệ sĩ. Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Nguyễn Minh Tấn làm cán bộ giáo vụ chủ chốt của lớp. Anh em chúng tôi ai đợt trước chưa dự đợt ấy thì làm nốt. Tôi chính huấn rồi lại dự nữa không làm giáo vụ nhưng được làm tổ trưởng. Tổ tôi có nhiều nhân vật lạ khác nhau: Phan Khôi, Tú Mỡ, Văn Cao, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố...

## Ăn đất

Qua những rặng tre bị ngâm đã lâu, cành lá úa rục, xiêu đổ, chiếc thuyền nan của chúng tôi phải len lỏi, chỗ thì phải cúi đầu để chui qua những cây sắn đổ, chỗ thì phải đèo một cành cây cỏ thụ xuống nước, chỗ thì phải gạt những trà rào trôi nhấp nhô trên mặt nước đỏ ngầu và phải đẩy cong con sào mới vượt được cụm bèo tây úp lại. Chiếc thuyền mỗi chốc chòng chành làm cho tôi lão đảo, nhưng cái ý muốn mục kích cảnh điêu linh cùng khổ của dân lụt đã làm cho tôi quên cả nhọc nhằn. Một vùng nước mông mênh bát ngát, bao nhiêu những nhà tranh vách đất chỉ còn trông thấy những mái úp xập xè hình như những quần đảo ẩn hiện chập chùng theo làn nước bạc mà rập rờn như phao. Những thuyền nan, những mảnh chuỗi nhấp nhô chen chúc tựa lá tre dưới những rặng cây lả lướt. Đàng xa kia, trên những gò, đồng mấp mô thấy ló nhỏ những sừng trâu cong vắt; con đứng, con nằm, thỉnh thoảng lại nghe tiếng rống lên như báo cho chủ biết nổi thềm rơm đói cỏ của nó.

Người ta bảo trận vỡ đê Đồn Vàng nước to hơn năm Quý Ty.

Thằng bé chở thuyền cho tôi ngoảnh lên bờ hỏi:

- Cậu định đi đâu?

Tôi thẫn thờ đáp:

- Đi đâu cũng được!

Thuyền qua một rặng trúc, nhìn vào bên trong thấy có ba gian nhà tranh xiêu lật lại đằng sau. Trước nhà, biệt ra một khu vuông vắn như một cái ao, tôi đoán chừng đó là cái sân. Trước sân đóng bốn cái cọc tre, trên bàn cái chõng, chiếc rổ đeo lưng lẳng một bên, chiếc sào vó ghềch lên thành chõng. Phía dưới là một cái mảng ghép bằng bốn cây chuỗi. Từ cái chõng đi vào trong nhà, có một cái cầu tre vắt ngang. Một người đàn ông, vóc rạc hom hem, đầu trọc hều, ngồi thu hình trong chiếc áo bành tô rách mướp, mặt đăm đăm nhìn xuống tắm nước đục lờ.

Tôi hỏi: - Nhà ai đây?

- Đây là nhà bác Tụy.

- Rế vào chơi đã.

Thằng bé khom lưng lái mũi thuyền vào trước sân, len qua những cụm bèo tây đóng chuồng trong những chiếc vành nong kìm bằng chiếc nạnh tre có những bè muống, bè ngô, bè dứa quần quýt xung quanh.

Bác Tụy trông thấy tôi, vồn vã hỏi:

- Kia ông ký đã về chơi đấy ư? Các ông ở tỉnh về được dịp chơi thuyền chõ mằng thế này thì thích lắm nhỉ. Mời ông lên đây cái chõng này còn chắc chắn, ông ngồi chơi xem tôi kéo vó cho vui.

Tôi ghé thuyền sát cái mằng chuối, rồi bước lên. Bác khúm núm với cái điều cày treo trên cọc, mời tôi hút thuốc, tôi chối không biết hút. Bác bèn lấy thuốc giắt trên kẽ tai, đặt vào nõ điều, cái thổi mỗi rơm, dụi than vào điều, rúc một hơi thật dài, cái điều rít lên như tiếng chim sẻ, một làn khói xanh tự miệng bác đưa ra khét lẹt, những cái xương sườn theo nhịp thổi mà vươn lên rụt xuống trước cái bộ ngực gầy nhom. Mấy đứa trẻ lau nhau, nghe tiếng người lạ chen chúc nhau thò cổ ra trước mái tranh mà nhìn. Những cái bộ mặt gầy còm hốc hác ấy như thiếp một màu vàng lợt, làm nổi những cặp mắt trờm lơ dờ, đần độn.

Tôi đưa đà hỏi:

- Thế nào, bác kéo cá có được khá không, cho tôi mua một bữa nào, có con nào to không, ngồi kéo vó giữa sân cũng thú nhỉ.

Câu nói của tôi như nhắc bác chưa cất vó. Bác nhòen mép nhìn tôi, rồi vui vẻ pha trò, gạn bán mẽ vó bác sắp cất. Nói rồi khom lưng, bãi căng, kẹp đầu sào xuống dưới háng, hai tay giương thẳng, cất vó lên, giọt nước theo bốn gọng thánh thót chảy xuống, dưới lòng vó thấy hơi động dần dần lên khỏi mặt nước, mấy cặp mắt nhìn cả vào, thấy mẽ vó được hai con cua kênh và bốn con diếc con. Bác vớ vó vào để bắt, ngoảnh lại hỏi tôi:

- Ông trả cháu bao nhiêu?

- Độ một hào chứ mấy!

Bác cười khanh khách và nói:

- Nếu thế thì nhà cháu phong lưu chán!

Bác nói rồi ngoái tay với cái giỏ bỏ vào. Tôi điểm một câu chúc của phường hội hát: "Sí sóc một chốc đầy giỏ" rồi nhồm lên nhìn vào trong giỏ, thì mới có độ một vốc tay tép mại, hai con ốc nhồi và một mẽ vó bác mới bỏ vào sau. Bác khô hài:

- Thế là cháu đã được một niêu hai tay bụng rồi đấy ông ạ!

Thoảng tiếng trẻ con trong mái tranh đưa ra: Bó ơi, bó làm bánh đa cho con ăn.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Bác lại có cả nghề làm bánh đa nữa ư?

Bác ngật nghẹo cười:

- Vâng, bánh đa nhà cháu là thứ bánh đa mới chế chưa ai biết làm cả. Ông ngồi đây, cháu làm cho ông xem.

Bác nói rồi chui vào trong nhà, một lát đem ra một nắm đất sét trắng, một cái mê rỏ, một cái khăn vuông. Bác dúng cả khăn lẫn đất xuống nước cho ướt, rồi đặt lên chõng, căng thẳng chiếc khăn vuông, phiết một lần đất lên thật mỏng, đoạn đặt vào mê rỏ, lại chui vào nhà thổi lửa nướng. Chỉ trong chớp mắt, bác đã bung ra, trông trong mê rỏ thấy một lượt đất khô cong, lữ con bác kéo nhau ra xúm xít chung quanh rỏ. Bác mời tôi nếm thử thử bánh đa bác mới chế, tôi ngần người chưa hiểu bác nói thật hay bỡn, thì bác tách ra một miếng bỏ vào miệng, nhai giòn khau kháu, lữ con bác cũng xô nhau bẻ lấy mà ăn một cách ngon lành. Bác bảo: Đây là thứ quà vật của các cháu, nếu ông muốn biết thứ ăn thay cơm của nhà cháu thì cháu xin đưa ra để ông xem. Bác nói rồi chui vào lấy ra một cái nồi đất to chia cho tôi xem và đổ tôi biết là cái gì. Tôi thấy bác gạt một lần tép vụn ở trên, dưới lộ ra một lớp đen đen, xếp từng miếng mỏng như miếng bánh dày. Nhìn gần lại, thì thoáng ngửi một mùi nặng nặng, khắn khắn như mùi thối tai. Tôi nín thở, lịc đầu xin chịu để bác giảng cho tôi nghe thức ăn quái gở ấy.

Bác đắc chí cười rữ mà bảo tôi: Cũng đất đấy! Người ta bảo chết thì ăn đất, nhưng chính nhà cháu sống về đất đấy ông ạ! Món này là một thứ cơm nắm của nhà cháu, làm công trình hơn một tý. Mới đầu là lấy đất sét trắng về, vật đi vật lại như ta nặn đầu rau, rồi thái từng miếng mỏng như ta thái bánh dày, đặt vào mủng mẹt đem phơi khô. Khi dùng nó thì phải có nồn sắn lót thật dày xuống đáy nồi, rồi mỗi lượt đất lại một lượt cá tép, rồi cho vài duộc tương. Bắc lên đun thì tra thêm tí nước cho khỏi khô, cứ nhỏ lửa đun mãi cho tương cạn cá chín, những cái béo của tương, của cá ngấm vào đất sét đỏ như miếng hồng tàu, thế là được.

Tôi hỏi: - Ăn như thế mùi mẽ ra làm sao?

Bác bảo: - Nó quanh quánh như ta nhai miếng bánh dày, lại đậm vì có tương có cá đưa đi, không phải ăn đồ ngoài.

- Thế ăn vào có thấy gì không?

- Việc quái gì! Nó chỉ phải cái nặng bụng hơn các thứ rau cỏ khác. Lần đầu cháu ăn rất đất thì thấy tanh tanh và chán lảm, ăn vào rồi hôm sau thấy mền mẹt, chắc là không có béo bổ gì, cho nên cháu nghĩ ra cách om với cá thì ăn ra chiều dễ chịu hơn.

Tôi hỏi: - Ai bảo bác rằng đất sét ăn được?

Bác nói: - Nào có ai bảo đâu, cũng là một cách ăn liều của cháu. Hôm nước vào đã già nửa tháng, trong nhà hết ăn, mẹ cháu phải ra tỉnh kiếm việc làm. Bữa sáng hôm ấy chỉ còn mấy củ khoai lang đủ cho cháu ăn thôi, cháu đành nhịn đói, để anh em nó trông nhau ở nhà, một mình chờ mắng ra cái ao trước cửa đình để lặn xuống đánh củ súng. Lặn ngụp mãi chưa dò thấy cụm súng nào cả, mà lòng không dạ đói, lặn mãi mệt quá. Cháu cố lặn một hơi thật dài, mò mãi chẳng thấy gì, bèn xắn vôi một nắm đất sét ngoi lên. Thấy chất đất vừa dẻo, vừa trắng, ngửi thấy tanh tanh, nhân lúc đói ngoạm chơi một miếng, nhai rồi nuốt đi, không thấy gì, ăn hết nắm đất, thấy đỡ còn cào. Cháu liền bỏ cả củ súng, hãy xắn mấy cục đất đem về đã. Đang lênh bênh trên mảng chuối trở về, bỗng thấy mập mờ cái vó trôi, cháu mừng quá đuổi theo vớt được cả vó lẫn gọng là cái vó này đây. Cả nhà cháu mới ăn đất được dăm hôm nay, các cháu cũng chịu khó ăn cả, nhưng mới đầu chưa biết chế biến, ăn chóng chán lảm, cách om đất với cá này là nhờ có cái vó nên cháu mới nghĩ ra. Tuy vậy, cũng cần phải đổi bữa luôn.

- Đổi bữa bằng gì?

Bác chỉ tay ra mấy đám trước sân: kia ngổ dừa, bèo tây, còn cụm rau muống là của quý nhất, hiếm nhất cháu còn đương gầy chưa dám ăn đến, vì chưa biết bao giờ nước ra khỏi làng. Trong những thứ rau ấy thì ngổ với dừa dễ ăn hơn, nhưng sợ ăn mãi nó cụt đi, cháu phải ăn độn thêm bèo tây.

- Bác làm thế nào mà ăn?

- Muối dưa cụm sen kia, vật lá vật rễ, chỉ để cái vú, phơi hơi tái đi rồi muối như ta muối dưa cải, lấy vỉ nén cho chặt. Giá không có muối mặn thì ăn nó chẳng khác gì nhai cái ngọn mía nhạt, mà lại lẫn lẫn ngứa! Thứ ấy là thứ đồ ăn, ăn kèm với cháo cám thì ngon tuyệt! Đã nửa tháng nay, cả nhà cháu không biết hạt cơm, hạt gạo là gì cả, mà cám cũng ít có, chỉ vì hôm nào kéo cá được một vài con to, bán được dăm ba xu thì mới dám mua cám ăn, cám là thứ quý nhất, chỉ ăn cho có hơi gạo đó mà thôi, chứ ăn no thì lấy đầu. Một hôm cháu nghĩ buồn cười quá ông ạ. Đong được cám về, thằng bé lớn nhà cháu lấy nồi đổ nước lên đun, lỏng công thế nào nồi vỡ, không đun được nữa. Cháu bèn vớt cám ra, nắm lại một nắm, ngoài trát một lần đất sét, bỏ vào bếp nung. Thế mà ăn ngon hơn bánh khảo phục linh đấy ông ạ. Giá được rất cám mà ăn thì còn nói gì nữa, khốn nỗi họ lại pha mùn cưa vào cho được nhiều lãi, thì ăn chẳng còn lí thú gì cả, chỉ thấy rấp sì thôi.

Tôi chợt trông thấy cây cau, cây nào cũng cụt cả, vội hỏi: - Sao cau cụt cả thế kia?

Bác nói: - Nó cũng đã chui vào mồm cả rồi đấy.

- Cau mà cũng ăn được ư?

- Ông tính cái gì vào lửa mà chẳng ăn được. Ôi chà, nghĩ cái nguồn cơn ăn cỏ cau mà sợ. Lần đầu, cháu chặt một cái, bóc hết bẹ xanh rồi thái như thái măng phơi, cứ thế luộc rồi đem ra ăn. Ăn rồi, bố con rạo rục nằm mất một ngày, chân tay cứ rời rã ra, bọt mép phèo ra, bụng vẫn tỉnh mà không sao cựa được, sau hỏi ra mới biết phải luộc bỏ nước đi, ngâm hết nửa ngày mới ăn được. Ăn hết cau rồi, thấy làng nước họ đua nhau đi tìm củ chuối để ăn, cháu cũng vớ được vài cái đem về bung. Ăn nó có phần mát ruột mà chắc dạ hơn ăn bèo tây, rau ngổ, hơn cả ăn đất sét, đất sét phải cái nặng, làm rỗng cả ruột ra, về sau ăn cái cái gì cũng mãi mới no! Nhưng củ chuối đâu mà ăn được hàng tháng trên mặt nước, chỉ được ít lâu là nó thối nhũn ra thì còn ăn gì được nữa.

Cháu cứ ăn liều mà nhiều cái cả làng phải bắt chước cháu. Cháu còn nhớ một năm trời không làm lụt, nhưng phải năm đói kém quá, làng nước nhao cả lên. Mẹ cháu năm ấy lại vừa ở cũ, thành ra lúng túng với nhau, chẳng đi làm đâu được, ở làng chẳng ai mướn làm gì cả, cháu chỉ nghĩ cách ăn trừ bữa, cái ni lại ăn trừ bữa cái kia. Lần đầu cháu đi qua đền Văn chỉ thấy một đám cải rùng, xanh tốt lắm, cháu nhám thấy thơm thơm, liền hái một chén đem về ăn thử, thế mà luộc chấm tương ăn thú lạ, nhà cháu ăn ba bốn ngày làng nước mới biết thì chẳng còn gì cả. Cháu lại xoay ra tìm cách khác, xem ra lợn ăn được cái gì thì người ăn được cái ấy, chẳng sao cả. Một lần cháu ăn liều mà ngon. Đương mùa nhãn, cháu thấy ở chợ người ta vớt rất nhiều hạt, cháu mới quét lấy được trên lưng thúng đem về. Lấy dao gọt hết vỏ đen đi, đổ vào ngâm một đêm cho hết chất, rồi tra vào nồi, bung như ta bung ngô, thế mà đem ra ăn cứ bùi nghìn nghịt như hạt sen, đã ngon lại chắc dạ; thế là cháu tìm đi các chợ, để nhặt hết hạt nhãn đem về, tích lại một gánh, vợ chồng ăn uống no nê mà chẳng ai biết cách ăn của cháu thế nào. Rồi sau họ biết, họ đặt vé để chế cháu, cho nên làng ta bây giờ đã có câu: Nói dối thằng Trà ăn ma thằng Tuy. Ông tính thế có tức không, mình có ăn cắp ăn trộm của ai đâu, không có ăn xằng ăn bậy cho qua ngày đoạn tháng, họ cũng chế, họ bảo là ăn ma ăn mãnh. Cháu thấy họ

chế, tức mình giấu biệt những cách ăn độn ăn lót của nhà cháu cho bố ghét.

Cháu còn nhiều cách ăn giản tiện mà ngon cháu chế biến cũng khéo, cho nên họ lo đói, cháu chẳng biết đói là cái gì, chỉ có ngon hay không mà thôi, làm thế nào cháu cũng có cái ăn, không chịu đói bao giờ. Ông tính con sâu con bọ, con giun con đế nó còn chẳng lo đói huống nữa là mình, phải thế không ông?

- Phải, sống qua trong nạn đói mà vẫn giữ được lòng ngay thẳng thật thà thì còn gì quý hóa bằng. Giá bác tài nấu nướng thế mà ra Hà Nội mở hiệu thì...

Bác phá lên cười, rồi tiếp câu nói của tôi:

- Thì... cho chó nó ăn!... Ông nhỉ!

Ánh nắng chiều xiên qua nan chõng, chiếu xuống làn nước đỏ ngầu, gập trện gió rung rinh trên mặt nước thành những đàn rần ngoằn ngoèo. Một tảng vỏ mít lênh bênh trôi vào gọng vó, bác Tụy chỉ tay mà bảo:

- Kìa, tảng vỏ mít kia đã cứu sống vợ chồng con cái nhà cháu ba ngày đấy ông ạ!

Nói đoạn, lấy sào kều ngửi, lắc đầu:

- Hồng, thôi cả.

Vứt tôm xuống nước rồi kể tiếp:

- Thằng bé lớn nhà cháu năm nay lên tám. Ấy chính năm đẻ nó thì gặp trận đói to, vì hai năm mất mùa liền, nhân dân lại xao xuyến vì dịch lệ. Nhà cháu quanh năm ăn độn, ăn lót, ăn thường, nhưng bu cháu mới đẻ, nếu cho ăn xằng xịt vào thì sợ ốm đau khổ cả mẹ lẫn con, cho nên dù sao cháu cũng cố kiếm cho mẹ cháu mỗi bữa một niêu cơm riêng để lấy sữa cho con bú, còn cháu thì ăn thế nào cũng được. Gặp nạn đói mới biết cái khổ của hạng súc dài vai rộng như chúng cháu, đi xin không ai cho, làm mướn không ai thuê, thế mà lại lâm vào cảnh vợ mọn con thơ thì lại càng khổ nữa! Hôm ấy trong nhà chỉ còn đủ gạo để thổi bữa ăn sáng, cho mẹ cháu, còn cháu thì có hai bát ngô bung. Ăn xong, cháu vác thùng, búa sang chợ, đón công xem ai mướn đánh gốc củi thì cháu làm. Ngồi từ sáng đến non trưa, chẳng ai hỏi tới, chợ thì vắng, bụng thì đói, mà chắc mẹ con nhà cháu cũng đang mong chờ bữa. Cái nông nổi mong chờ vợ vẫn làm cho cháu nóng ruột bội phần. Tàn ngần ngồi bên đồng vỏ mít, ruồi nhặng đậu đen ngòm, cháu nghĩ ngay cách ăn tranh chúng nó bèn ngả nón bốc đem về, đổ vào rổ sẽ đem ra ao rửa sạch, gọt hết gai đi, rồi thái cả sơ lẫn củi, cho vào nồi đun thật dừ. Tra mắm muối cho vừa vụng. Còn mấy chục cái hột tim trong đồng vỏ vẫn định luộc riêng, rồi nấu cháo cho bu cháu ăn, nhưng nó thấy cháu nhòm nhìn chẳng đành lòng, nên cùng ăn cả. Cháu bèn giã cả hột cho vào thành một thứ canh vừa bùi vừa ngọt, ăn thú quá! Một điều sung sướng nữa là ăn vào, sáng hôm sau hai bầu sữa của bu cháu thẳng căng, thẳng cháu bú no nê, không cần nhằn như mấy bữa trước. Thế là mấy hôm sau cháu cứ việc đi chợ khuân vỏ mít về làm bữa, ăn rồi lại kì cách thái phơi bỏ lọ, thứ thì lựa rất củi để kho ăn với cơm. Nhưng mà mít nó là giống có mùa, không thể trông vào đấy mà ăn mãi được. Cháu nghĩ ngay ra cách ăn bã đậu.

- Bã đậu chắc ăn chóng chán lắm thì phải, vì tôi ngửi mãi nó ngang ngang khó chịu lắm, nhất là khi nó đã ôi.

- Làm cho không có mùi ngang ngang, mà không bao giờ ôi được mới tài chứ! Cháu tìm ra



cách ăn được, nhất định bí truyền, thành ra các tướng cũng bắt chước cháu ăn, rồi bỏ cả đày ông ạ!

- Làm cách nào mà ăn?

- Khó gì đâu! Chỉ có mẹo một tí thì bã đậu đã thành một thứ xôi vò thượng hảo hạng! Mới đầu hãy tãi ra cái nia, phơi trong râm, nhưng đừng để cho ruồi nhặng bầu vào, thỉnh thoảng lấy đũa cả đánh đi đánh lại cho rời ra rồi cho vào chỗ đồ, rắc thìa muối cho đậm, hơi bốc lên là bật hết mùi chua, mùi ngái mà ông bảo là ngang ngang, muốn kỹ đem đồ hai lượt thì tốt lắm. Ăn bã đậu béo người, tuy mất tiền mua nhưng cũng rẻ, cứ bốn bố con nhà cháu, một ngày chỉ hai xu bã đậu là no phích!

- Mỗi năm bác phải ăn độn lót thể độ mấy tháng?

- Quanh năm ông ạ! Có chẳng chỉ những ngày giỗ tết thì dù túng kiết thế nào cũng cố dành dụm kiếm lương cơm quả trứng, thỏi vàng nén hương cho tinh sạch. Những ngày ấy mới là ngày ăn uống sang trọng của nhà cháu, tưởng ăn một bữa hết hai ba hào chỉ, giá cứ quanh năm ăn thế thì núi cũng phải lở, ông nhỉ?

- Nhưng ăn rồi lại kiếm ra thì sợ gì?

- Kiếm như chúng cháu nghĩ mà buồn! Chỉ mong một ngày được ba xu với hai bữa cơm no cũng còn khó thấy, ấy bu cháu ra tỉnh chuyen này nếu ở được mỗi tháng một đồng kia đấy, nhưng mà...

Thoáng một vẻ buồn hiện trên nét mặt bác, tôi mỉm cười nói giỡn:

- Thôi lại nhớ mẹ đi rồi!

Bác cũng gượng cười nói chữa:

- Không, giá cháu nhớ thì cháu cũng đã chẳng bảo đi, nhưng cháu chỉ lo nước Hà Nội chóng ngay xương lắm! Đi làm đỡ nạn mấy tháng khi về lại quen đi, không gồng nặng gánh nhẹ được thì khổ, ấy cũng nhiều người thế đấy, rồi sau vợ chồng sinh chán nhau hoặc bỏ chồng con theo những anh bồi bếp để ăn trắng mặc trơn, nhiều ăn mất vợ vì thế đấy.

- Có "tâm" là lòng, "ý" là lòng chứ, ai cũng thế thì còn ai dám đi làm lụng gì nữa. Và lại bác gái nhà bác bỏ chề xốc xếch thế thì việc gì!...

Bác nghe câu khuyên giải của tôi, nét mặt lại bình tĩnh như thường. Tôi bỗng nhắc bác:

- Kia, từ nãy tới giờ, mãi nói chuyện mà quên cả cắt vó? Để vợ chồng con sộp nó đem nhau vào ở cũ trong vó của bác rồi cũng nên!

Bác khanh khách cười, tay nâng sào vó, khom lưng rút khum gọng vó, nước sóng sánh chuyển động chiếc bè tây đang đung đỉnh trôi xuôi.

Mẻ vó sưng.

Bác khoan khoan cho vó xuống, tôi thẩn thờ nhìn ánh nước rập rờn trên bức vách.

## Ngô Tất Tố (1894 - 5.1954) và tình sử Viên Linh

Một trong các danh sĩ của Việt Nam, được cả hai miền Nam Bắc trên hay dưới vĩ tuyến 17 trọng vọng, ca ngợi, là Ngô Tất Tố, người đỗ đầu xứ bằng ngọn bút lông, nhưng mưu sinh thành công bằng ngọn bút sắt, viết tiểu thuyết lịch sử “Vua Hàm Nghi với việc kinh thành thất thủ” (1935), nhưng nổi tiếng về các bản dịch “Tình sử Trung Hoa,” dịch thơ Đường, hay viết khảo luận về Thơ Văn Lý Trần...



*Nhà văn Ngô Tất Tố (1894 - tháng 5, 1954).  
(Hình: Tác giả cung cấp)*

Lý do giản dị, nhưng cũng đáng buồn, là vì ông không đứng về phe nào, vì không có dịp trình chính công khai: ông tử nạn vào tháng 5, 1954, trước khi đất nước phân đôi. Miền Bắc cố gắng chứng minh rằng ông đứng về phe kháng chiến chống Pháp, và tử nạn vì bị phi cơ Pháp thả bom trên Việt Bắc, hay từng tham gia phong trào Truyền Bá Chữ Quốc Ngữ, song “kháng chiến chống Pháp” không có nghĩa là theo cộng sản, tham gia phong trào Truyền Bá Chữ Quốc Ngữ không có nghĩa là Việt Minh.

Có một đôi trường hợp chết sớm lại là may mắn, nếu nhà thơ Hàn Mặc Tử còn sống, có thể ông cũng đã như Chế Lan Viên, bạn thân của ông, người làm những bài thơ vong thân một thời. Nhà thơ, nhà biên khảo Ngô Tất Tố đã tử trần hai tháng trước Hiệp định Geneve, cho nên ông hoàn toàn là một danh sĩ Tiền chiến, nguyên vẹn là một học giả, nhà văn, nhà thơ của Việt Nam, với những tác phẩm để đời như Tất Đền (1939), Đường Thi (1940), Lều Chõng (1941), Thơ Văn Bình Chú (1941), và dịch Tình Sử Trung Hoa hay dịch Hoàng Lê Nhất Thống Chí... của Ngô Thì Sĩ trong Ngô Gia văn phái.

Bài Tự Thán tương truyền là của Nguyễn Trãi, song người ta chỉ thấy qua bản dịch theo thể thơ lục bát của Ngô Tất Tố, tin trong Thơ Văn Bình Chú:

### **Tự Thán**

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông  
Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay?  
Chắc chi thiên hạ đời nay  
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao?  
Đã buồn về trận mưa rào  
Lại đau về mối rào rào gió đông.

Mây trôi nước chảy xuôi dòng (dòng)  
Chiếc thuyền hờ hững trên sông một mình.  
Nguyễn Trãi

(Theo Ngô Tất Tố trong Thơ Văn Bình Chú,  
Mai Lĩnh, 1952, tr. 17)

Dịch Đường Thi nổi tiếng nhất là hai người: Tản Đà và Ngô Tất Tố, song dịch Tinh Sử Trung Hoa thì dẫn đầu là Ngô Tất Tố. Một dịch giả thành công hay một bản dịch thành công, thì yếu tố thành công quan trọng hơn cả là “bản dịch” là quan trọng, còn nguyên bản không quan trọng. Một bản dịch Anh Việt, Pháp Việt hay Hoa Việt thì phần Việt quan trọng hơn phần Anh Pháp hay Hoa. Ngô Tất Tố ngoài sở học uyên bác (đỗ đầu xứ thi Hương), còn có tài văn xuôi, mà tiểu thuyết Tắt Đèn của ông là một minh chứng; bản dịch cuốn lịch sử tiểu thuyết Hoàng Lê Nhất Thống Chí của ông thì văn chương đối thoại thật là gần gũi với mọi người, nghĩa là ông dùng ngôn ngữ thời đại, ngôn ngữ mọi người dùng, thoát khỏi ngôn ngữ văn tự sách vở.

Sau đây mời bạn đọc thưởng thức một truyện tình sử do ông dịch:

### **Tình sử - Ngô Tất Tố dịch** **Cây ngọc vườn sau**

Hậu Chủ nhà Trần có tiếng là vị phong lưu thiên tử, hậu cung lúc nào cũng độ vài nghìn người. Người được ông ta yêu dấu hơn hết là Khổng Quý Tàn và Trương Quý Phi. Quý Phi tóc đen như mun, có thể soi gương, hai mắt lóng lánh như hai làn nước, mỗi khi nhìn ngó, muốn xiêu cả người bên cạnh. Hậu Chủ sai người dựng ở trước điện Quang Chiêu ba tòa gác lớn, đặt tên là gác Lâm Xuân, gác Kết Ý và gác Vọng Tiên. Cửa lớn, cửa sổ của những gác ấy đều làm bằng gỗ trầm hương, dát toàn vàng ngọc, ngoài che rèm châu, trong có trướng gấm. Những đồ bài trí, đều là những thứ quý lạ, từ xưa chưa có. Dưới gác đều có chất đá làm núi, thác nước làm ao, và trồng các thứ hoa thơm cỏ lạ ở khắp chung quanh. Hậu Chủ tự ở trong gác Lâm Xuân, cho Trương Quý Phi ở gác Kết Ý, còn gác Vọng Tiên thì là phần của Khổng Quý Tàn. Quý Tàn trang điểm chải chuốt, đứng ở phía trong lan can trong cung trông ra, chẳng khác gì một nàng tiên.

Mỗi lần Hậu Chủ họp các cung nhân uống rượu tại mấy nơi đó thường bắt phi, tần, học sỹ và các khách quen tức cảnh, ngâm thơ, tặng đáp lẫn nhau. Rồi thì ông ta lựa riêng những bài bóng bẩy, bay bướm, phổ vào đàn sáo, chọn độ hơn nghìn cung nữ bắt phải tập hát. Những khúc hát ấy, Hậu Chủ đặt tên là Nghênh Xuân Nhạc, Ngọc Thụ, Hậu Đình Hoa, đại để đều là những lời tán dương vẻ đẹp của các phi tần. Mỗi lần yến ẩm múa hát, vua tôi say be say bết từ tối đến sáng. Hậu Chủ có chế ra khúc Hậu Đình Hoa như vầy:

Rừng thơm, lầu, gác chon von,  
Nghiêng thành là vẽ phấn son nuột nà.  
Lững lờ trong cửa bước ra,  
Đón nhau, vén bức màn hoa mỉm cười,  
Người đâu mọc đọt hoa tươi,  
Long lanh cây ngọc sáng soi sau vườn.

Cách đó ít lâu quân Hán Cầm Hồ kéo vào Đài Thành, Hậu Chủ toan chạy, quần thần có người khuyên ngài nên ra đầu hàng. Hậu Chủ không nghe và nói:  
“Ta đã có giềng!”.

Rồi ngài dắt luôn hơn chục cung nhân ra điện Cảnh Dương, cùng nhảy xuống một cái giếng gần đó. Quân sĩ ghé vào trong giếng, gọi không thấy thừa, họ bèn bảo nhau lấy đá ném xuống. Chợt nghe dưới giếng có tiếng người kêu. Bọn quân tức thì lấy thùng gióng xuống, khi kéo thùng lên, thấy nặng, cả bọn đều lấy làm lạ.

Thì ra cả Trương Quý Phi và Khổng Quý Tần cùng bám ở dưới đầu thùng. Vì vậy người ta mới gọi giếng ấy là giếng Son Phấn.

\*\*\*

## Phụ đính:

## Lớp người bị bỏ sót

Hôm ấy, một hôm về cuối mùa đông, cách đây độ hơn mười năm, trời xế chiều, tôi mới đến nhà cụ Thượng Lão Việt. Cái nhà mới lạ làm sao! Nó là một túp lều tranh lợp xụp, đầy cảnh thê thảm, nhưng lại có vẻ vui vẻ. ở gian bên này khách khứa tấp nập. Người ta cười cời nói nói sớt sảng đợi hơi thở cuối cùng của ông cụ già. Cụ Thượng nằm to vo trên chiếc giường tre trong gian bên kia. Mặt cụ ngoảnh vào bức vách. Lưng cụ uốn gù con tôm. Bức chần dạ đỏ phủ trên mình đã hóa màu gạch non vừa vắn đậy kín từ vai đến gối. Cái đầu trắng xóa và đôi bít tất thùng gót đeo ở cổ chân đều bị để lộ ra ngoài. Cánh dại che ở trước cửa chỉ còn lơ thơ vài nan. Gió Bắc tự do đưa mãi hơi lạnh từ ngoài sân vào vách. Mấy cục củ tre nhóm trên đồng trấu cạnh giường đã hết ngọn lửa, khói đang nghi ngút tỏa khắp nhà. Cụ Thượng từ từ mở hai bàn tay gầy guộc khoác nhau ở đằng sau gáy, nặng nhọc trở mình ra ngoài, chào tôi bằng hai con mắt cảm động khi tôi rón rén ghé vào giường cụ, và sẽ lên tiếng hỏi cụ.

Biết bao nhiêu sự hồi hận rung động lòng tôi! Nó trách tôi đến thăm cụ muộn quá. Với cụ, tôi không phải là kẻ họ hàng thân thích, hay người cùng tỉnh cùng huyện. Sở dĩ biết nhau chỉ vì một chuyến tàu thủy chạy từ Hà Nội xuống Nam Định, chuyến tàu chờ dân lều chõng lần cuối cùng. Bấy giờ tàu cạn ở trên cửa Luộc, phải dừng lại đó suốt hai ngày một đêm để chờ con nước. Trong lúc suốt ngày đêm lênh đênh ngòi trên mặt nước để nghe những tiếng "dì xé dì" và "xám xé xám" của bọn mạch nô đo nước, người ta dễ thân với nhau, nếu đã cùng nhau ăn cùng mâm và nằm cùng chiếu. Nhờ vậy tôi mới trở nên người bạn của cụ, dù tôi kém cụ hơn ba chục tuổi và không phải cùng làm một nghề với cụ. Cụ yêu tôi về tính hoạt động. Còn tôi thì tôi trọng cụ ở chỗ từng trải, chất phác, có can đảm, không câu nệ, luôn luôn nhìn đời bằng con mắt lạc quan, nhất là những lúc rung đùi mà cất chén rượu, cụ đã tỏ ra người có chí khí. Bấy giờ, cụ đương buồn than, thường lên Hà Nội mua hàng tải về Nam Định. Nhưng cụ cũng có biết chữ, chữ quốc ngữ đủ để đọc báo, chữ Hán thì có thể hiểu những cuốn Tam quốc chí hay là Chinh đông chinh tây. Sau mấy ngày tình cờ hội ngộ, chúng tôi biệt nhau khi tàu cập bến Nam Định. Từ đó, tuy không gặp nhau, nhưng mà hai bên vẫn có thư từ đi lại. Mỗi lần cụ đổi nghề này làm nghề khác, đều có viết giấy cho tôi. Ân hận hơn hết là cái giấy mời tôi đến làng Lão Việt dự tiệc bảy mươi, cái tiệc người ta ăn vạ cụ về tội dám sống đến bảy chục tuổi để là "cụ thượng" làng ấy.

Lúc ấy, tôi đã định đi, rồi lại ngần ngại không đi. Thế rồi, ba năm sau, một bữa tôi nhận được một bức thư của cụ và tôi giật mình đánh thót, khi coi đến mấy dòng này:

"Tôi nay sắp sửa từ giã cái làng Lão Việt, từ giã hết thấy những yêu ghét trong khoảng bảy mươi năm trời. Gan ruột tôi đang bồn chồn không muốn ở lại một ngày nào nữa. Sở dĩ chưa nhắm mắt được là vì còn mớ tâm sự muốn ngỏ với ông. Nếu lần này mà không được gặp ông, thì cái tâm sự ấy, tôi đành đem xuống suối vàng để nói với lũ quỷ sứ..." Chao ôi! Một chữ bao nhiêu đau đớn! Có lẽ cụ đã viết bằng nước mắt. Còn một lẽ nào để tôi chậm sự lên đường

trong vài giờ? Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi thoát bước đến trước cổng nhà cụ. Trong khu vườn xoan kề bên cổng, người ta đã buộc một con trâu kền. Theo cái giá rẻ hồi ấy, nó cũng đáng đến bốn chục bạc. Cạnh đó, một bó nứa khô, mấy chiếc đòn tre, lồng chổng dựa vào gốc xoan và mấy bó rơm tanh bành quăng ở giữa vườn. Thoáng coi những vật liệu ấy, đủ thấy một cuộc vật trâu đang được dự bị tại đó.

Ngó vào trong cổng, một tòa rạp lớn nghênh ngang dựng ở ngoài sân, mái cót còn chưa lợp kín. Dưới rạp giương, phàn, bàn ghế đã kê sẵn sàng. Nong bát, nong đĩa, chum đựng nước, cối giã giò, rồi nồi ba mươi... không biết mỗi thứ là bao nhiêu cái, la liệt bày khắp ngoài rạp. "Tội nghiệp! Cụ Thượng đã chết mất rồi! Con cháu đã đương sắp đồ làm ma đây rồi! Mình không được nói với cụ một câu nào, sao mà phụ phàng cụ thế?..." Với sự bùi ngùi ấy, tôi bỡ ngỡ bước vào trong sân. Mấy chục con mắt đổ dồn vào tôi. Không ai biết tôi là người nào hết. Bởi vì tôi đến nhà cụ, lần này là lần đầu. Sau khi tôi tự giới thiệu, một người đàn ông, độ bốn mươi tuổi, tươi cười bảo tôi:

- Rước ông vào chơi trong nhà! Ba bốn hôm nay hôm nào thầy tôi cũng nhắc đến ông.

Thì ra người đó chính là con trai cụ Thượng. Lúc đó tôi mới biết cụ Thượng còn sống.

Đưa tôi vào đến cạnh giương cụ Thượng, người ấy chỉ kịp rót cho một chén trà nguội, rồi ông ta sấp ngựa chạy đi, coi bộ đương bận rộn lắm. Cụ Thượng tuy đương ốm nặng, nhưng nó chỉ là bệnh già, cũng như cái cây hết nhựa, chứ không có chứng gì khác. Vì vậy tinh thần vẫn còn tỉnh táo. Tuy đã xa nhau đến gần mười năm, mà khi thoát nghe tiếng tôi, cụ liền nhận ngay ra tôi và cố quay mặt ra chỗ tôi ngồi! Cái mặt mới đáng sợ chứ! Nó sạm như ngả bùn, đôi mắt trũng hoáy, đôi má hóp lại, hai cái gò má dô lên, người ta có thể ngờ là một chiếc đầu lâu, nếu không có đôi con ngươi lóng lánh. "Sao mình không đi thăm cụ tự mấy tháng trước để đáp tấm lòng ân cần của cụ trong mấy năm xa nhau? Bây giờ đã đến thế này, cụ còn sức đâu mà kể với mình những điều cụ định kể? Thật là mình đã phạm một tội lớn! Chính mình đã làm cho cụ thấy áy náy trước khi từ giã cõi đời!... Tôi đang phàn nàn với tôi như vậy thì cái bàn tay căng gà của cụ chờ choạng nắm lấy tay tôi. Rồi cụ cất giọng rên rên như sắp đứt hơi:

- Đáng lẽ tôi sẽ im lặng mà chết, không thể nói thêm câu nào, dù tôi vẫn muốn nói. Bởi vì luôn hai bữa nay người tôi đã hết khí lực, không đủ sức để đưa câu nói ở trong miệng ra. Không hiểu vì sao mới nghe tiếng ông, tự nhiên tôi thấy trong mình hơi mạnh hơn trước. Có lẽ bây giờ tôi đã có thể nói nhiều với ông. Ngừng lại giây lát, cụ tiếp:

- Tôi sẽ là người chết oan! Ông nên nhớ cho như thế!

Nghe đến câu ấy, tôi phải hết sức sửng sốt, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình tĩnh. Cụ vẫn ngập ngừng cất từng tiếng một:

- Đời tôi thế nào, ông đã biết rõ. Nhiều lúc tôi vẫn tự phụ: tuy không thông minh, nhưng không đến nỗi ngu đần. Nhất là tôi không lười biếng...

Xen vào đó, một tiếng thờ dài, rồi cụ lại nói đều đều:

- Thật vậy, từ thuở mười bảy tuổi đầu đến giờ, tôi không chơi không ngày nào, trừ ra những ngày đau ốm. Thôi thì cày sâu cuốc bẫm, buôn ngược bán xuôi, không quản ngại một việc gì cả. Có lúc đã lên mỏ Hích lẫn lộn với đám phu mỏ... Những việc tôi làm, bất kỳ việc nào, tuy không phát đạt, nhưng không thất bại bao giờ, chẳng lái nhiều thì lái ít. Vậy mà suốt đời nghèo xác, nghèo xơ, ăn không đủ, mặc không đủ, cả nhà có một thằng con đành để nó dốt nát. Ông bảo là vì có gì!

Tiếng cười nói ở gian bên kia làm cụ im đi một lúc như để chờ câu trả lời của tôi. Lâu lâu cụ mới cất giọng:

- Ấy là bởi gánh việc làng. Cái làng Lão Việt nhà tôi có thể đại diện cho cả hương thôn già cõi của nước Việt Nam. Vì nó là chỗ để chứa hủ tục. Bất kỳ hủ tục nào, làng tôi đều có đủ cả. Vì thế mà tôi suốt đời còm cộm, chỉ để đóng góp là vừa. Bây giờ tôi sắp nằm xuống, lại sắp để lại cho thằng con tôi một cái gánh nặng. Những sự linh đình ông thấy ở ngoài sân kia, sẽ là món

nợ mà một đời nó chưa chắc trả hết... Đuôi con mắt cụ bỗng có một giọt nước rỏ xuống dưới chiếu, cụ cố nói cho ra giọng cứng:

- Hủ tục không phải là thứ thiên kinh, địa nghĩa, nó vẫn có thể thay đổi, nếu phái trí thức để ý đến sự khai hóa cho dân quê. "Nhưng vì chúng tôi là một lớp người bị bỏ sót trong lá tre xanh, con mắt của phái trí thức ít khi ngó tới. Bởi vậy, những cái tục lệ quái gở, mọi rợ mới được tự do kế tiếp nhau, chồng chất lên vai chúng tôi. "Nhiều lúc tôi muốn hất cái gánh nặng ấy đi, nhưng sức một mình không thể làm nổi, đành phải è cổ mà chịu.

"Một người chăm chỉ, cần kiệm, lao lực như tôi, chỉ vì một gánh tặc tục đè ép, đến nỗi suốt đời không ngóc đầu lên được, bây giờ sắp chết, gánh tặc lệ ấy vẫn còn đè ép chưa tha, ông bảo có oan uổng không? Vậy mà nó vẫn được coi như vị thần thiêng, không ai dă động đến nó. Là thay! Tôi ước ao rằng: sau khi tôi đã nhắm mắt, ông sẽ đem những tội ác của nó mà phơi ra bóng mặt trời"...

Lúc này tiếng nói của cụ đã thấy nhỏ dần. Vì sợ cụ mệt, tôi tạm cáo từ để ra chỗ khác. Gần tối, tôi lại tới đó. Cụ vẫn ngoảnh mặt trở ra như có ý đợi tôi. Khi thấy tôi đến, cụ cố gắng sức đưa ra những tiếng thì thào và rời rạc:

- Một nước giống như một cái xe bò, lớp trí thức là người làm bò, lớp dân quê là người đẩy xe. Nếu kẻ đẩy còn bị những dây lệ buộc chặt hai chân, thì kẻ làm bò tài giỏi bậc nào cũng không thể kéo được cái xe bò lên dốc... Vì vậy... tôi chỉ mong mỗi các ông đưa mắt đến chỗ bần thiêu, tối tăm... trong đá tre xanh".

Hết câu đó, cụ bỗng trợn ngược hai mắt, đờm ở trong cổ kéo lên khè khè. Cả nhà nhón nhác xúm lại. Cụ đã tắt thở. Cái lúc trong nhà im lặng bỏ tiền và gạo vào miệng người chết, thì ở ngoài vườn người ta cũng hò reo để vật con trâu.

Từ lúc đưa đám tang cụ Thượng, lời cụ vẫn văng vẳng bên tai tôi. Sau mười năm lang thang nay đây mai đó, tới đâu tôi cũng thấy chứng cứ về sự từng trải và nỗi đau đớn của cụ. Cụ quả là người chết oan. Cho được an ủi vong hồn của cụ, tôi phải minh oan cho cụ và cho những người như cụ bằng thiên phóng sự này.

## Con gà thờ

Ở làng V.Đ. Ông chủ nhà trọ của tôi đáng lẽ cũng là bậc sượng. Dẫu không là tay cự phú, trong nhà cũng có gần sáu mẫu ruộng, một con trâu cái, một con lợn nái, thóc lúa đủ ăn từ vụ nợ đến vụ kia, tiền bạc tiêu đâu sẵn đó, nếu chỉ bảy tám chục đồng trở lại, dù là việc bất thành linh, cũng không phải vay của ai. Gia đình lại rất đê huề. Trên thì bà mẹ gần tám mươi tuổi, vẫn còn sáng suốt, tinh táo, không lòa không điếc, cũng không lẫn lộn, dưới thì đàn con sáu đứa, trai có, gái có, đứa nào cũng ngoan ngoãn dễ bảo. Cái cô con gái đầu lòng mới mười lăm tuổi mà đã bốn năm ông tổng, ông bá muốn hỏi cho con. Bà vợ ông ấy chưa nhận lời ai, sợ rằng gả chồng cho cô này, công việc đồng áng sẽ không đủ người coi sóc. Tuy cũng là nhà làm ruộng, nhưng mà quanh năm chí tối, ông ấy không hề phải đặt cái cây lên vai. Cho đến những lúc sớm cạn, mạ úa, người ta đánh nhau vỡ đầu vì tranh nhau cái bầu tát nước, ông ấy cũng chỉ đứng đĩnh ra đồng với cái cuốc bở xem chỗ nào còn nước, chỗ nào hết nước, đâu nên cấy trước, đâu nên cấy sau, và anh thợ cày có chịu làm việc, hay chỉ ngồi hàng ngồi quán. Ấy đó, công việc ông ấy đại khái có vậy. Ở thôn quê, như vậy cũng là tiên cách. Quan bắt phiến, dân bắt nhieu, suốt năm lúc nào cũng ung dung. Nhưng mấy tháng gần đây, ông ấy lại rất vất vả. Chỉ vì có hai con gà. Năm đó ông ta chẳng đã năm mươi năm tuổi à? Theo tục làng đó, đàn ông năm mươi sáu tuổi mới lên lão làng. Nhưng từ ba mươi tháng một cái năm năm mươi năm tuổi, đã phải sửa một cỗ xôi và một con gà để đem ra đình lễ thần, rồi biếu dân. Cỗ xôi không quan hệ lắm, miễn

được gạo trắng và dẻo, đóng vào đầy một chiếc quả "phù trang" của làng. Duá có con gà thì hơi cầu kỳ một chút. Nó phải là thứ gà sống mã đỏ, chân vàng, vật lông và lược chín rồi, còn đủ bốn cân. Lệ làng định rõ như thế. Thế nhưng ít ai chịu giữ đúng lệ. Người ta đua nhau tự tăng số cân ấy lên, ít nhất cũng là năm cân, nhiều thì có khi sáu cân, bảy cân, hễ gà càng lớn bao nhiêu, ông chủ càng được dân làng kính trọng bấy nhiêu. Nghe nói từ đời Thiệu Trị, Tự Đức chi đó, có ông lão nuôi được con gà nặng bảy cân rưỡi, đến nay cả làng vẫn còn ca tụng. Họ bảo ông đó hết lòng thành kính đối với quỷ thần, nhờ có quỷ thần phù hộ, cho nên gà của ông ta mới lớn như vậy. Dù chẳng dám mong nói gót được ông cụ ấy, nhưng ông chủ nhà trọ của tôi cũng vẫn quả quyết không chịu thua ai trong hồi gần đây. Hồi cuối năm kia, nghe nói ở dưới làng Hồ có giống gà tốt, ông ấy muốn mua, đã phải thân hành đến nơi để được tự mình kén chọn. Sau mười mấy ngày lặn lội ở vùng Hồ, ông ấy vui mừng trở về với hai con gà con nhốt trong một chiếc lồng khiếu. Đôi gà mới lạ làm sao! Nó lớn bằng con chim câu và trọc lông lóc như đầu ông sư. Từ cổ đến đuôi toàn là thứ thịt đỏ hồng, lơ thơ điểm ít sợi lông tơ. Mỗi con ở hai vút cánh, đều có hai cái lông cánh lớn bằng vảy ốc và cong vênh lên như miếng cau khô để ngựa. Ông ấy bảo với tôi rằng:

- Những nhà hà tiện thường chỉ nuôi có một con. Bởi vì lệ làng chỉ có một con. Nhưng mà con gà độ bốn, năm cân, tất nhiên phải nuôi trong khoảng hai năm trở ra. Giả sử nuôi đến nửa chừng, chẳng may nó chết, thì không thể nào mua đâu được nữa. Bởi vậy, tôi phải mua phòng hai con. Nhờ giờ nếu nó còn cả, thì một con lễ đình, còn một con nữa tôi đem lễ chùa, chứ không dám bán mà cũng không dám ăn. Vì rằng mình đã thành tâm nuôi về việc thờ, nếu đem bán hay để ăn ấy là đắc tội với quỷ thần. Tiếp đó ông ấy lại khoe:

- Đôi gà này nếu đem bán chợ, chẳng qua độ bốn năm hào một con. Họ thấy mình chuốc, nên họ bóp mắt, bóp mũi. Tôi phải trả một đồng một con, họ mới chịu bán. Tuy vậy, kể cũng không đắt. Giống gà này quý lắm. Nó mới bỏ mẹ mà đã lớn bằng bấy nhiêu. Nếu khéo nuôi, sau này có thể lớn bằng con ngỗng.

Luôn bữa đó, ông ta sửa lễ ra đình để trình với "đức thượng đẳng" là mình đã mua được gà, rồi đem cả đôi quý vật thả vào nếp chuồng ở đầu nhà trên. Chuồng ấy, ông làm riêng để nhốt gà thờ, cũng mới hoàn thành độ một tháng trước. Cửa chuồng ngoảnh về phía nam. Gậm chuồng xây gạch làm bức tường con, để giữ rắn, chuột. Quanh chuồng lại có bốn bức rào bằng phen nửa, ngăn hẳn khu đất đầu nhà thành cái vườn vuông, để làm chỗ cho gà ăn... chơi. Ròng rã gần hai năm nay, những việc lấy nước cho gà uống, tung thóc cho gà ăn và sớm mai mở cửa cho gà ra vườn, chiều tối bắc cầu cho gà lên chuồng, đều do tự tay ông ấy làm lấy, không dám giao cho người nào, vì sợ người khác làm không cẩn thận. Trừ ra cái việc hai ngày một lần múc nước, quét rửa chuồng gà thì anh thợ cày được thay. Hồi cuối năm ngoái, một trận gió bắc nổi lên giữa khi ám áp, đã gây cho làng V.Đ. cái nạn gà toi. Ông ấy lập tức sai vợ sửa cái sỏ lợn và một mâm xôi làm lễ ra đình, để cúng các đấng "bộ hạ", khẩn ngài phù hộ cho gà của mình. Sau đó, bao nhiêu gà của làng ấy chết hết. Riêng đôi gà này vẫn được mạnh khỏe như thường. Ông ấy cho là các đấng "bộ hạ" thiêng lắm. Đúng như ông ấy ước mong. Đôi gà mỗi ngày mỗi thấy chóng lớn như thổi. Trong hơn một năm nó đã xù xù như hai con công. Lông đẹp, cánh đẹp; ống chân bóng nhoáng như ngà, tiếng gáy ò ò như tiếng còi tàu thủy. Nhưng cả hai con đều gầy như hạc. Ông ấy cắt nghĩa như vậy:

- Cái phép nuôi gà cũng như nuôi lợn, lúc nó còn non, phải hãm cho nó đừng béo, thì nó mới lớn. Nếu khi nó còn đang lớn mà đã béo rồi, ấy là nó sẽ không lớn được nữa.

Thế rồi bắt đầu từ cuối tháng tám, cái tháng cách ngày "lễ thờ" độ một trăm ngày, công việc nuôi gà của ông ta bỗng thấy thay đổi khác hẳn. Khu vườn của gà không dùng đến nữa. Sớm ra, ông ấy bắt gà ở chuồng xuống lồng, tối đến ông ấy bắt gà ở lồng lên chuồng. Trong tháng đầu, đồ ăn của gà đã xen thêm ngô, mỗi ngày bốn bữa, hai bữa ngô và hai bữa thóc. Từ tháng hai trở đi, hai món ấy đều bị bãi cả, ông ta cho gà ăn cám. Lúc đầu còn là cám nấu với gạo đổ vào chậu sành để gà tự mổ. Hình như nó cũng thấy ngấy không ăn được nhiều, nên sau lại phải dùng theo phương pháp bào chế. Ông ta luyện cám như luyện thuốc tể và đem viên lại mỗi viên lớn độ bằng đầu ngón tay. Đến bữa ông ấy ngâm nước trong miệng, rồi ôm con gà

vào lòng, một tay vành hai mỏ gà, một tay ấn viên cám vào. Sau khi đã mớm cho nó hớp nước, ông ta sẽ lấy tay vuốt vào cổ nó, để cho viên cám từ từ trôi xuống dưới điều, mới lại bón tiếp viên khác. Mỗi con gà, mỗi bữa độ vài chục viên, mỗi ngày độ chín mười bữa, đều do ông ta tự làm, chứ không khiến ai. Thành ra suốt ngày, ông ấy chỉ quanh vào hai con gà mà không lúc nào được nghỉ. Giữa lúc công việc tui bụi, bà mẹ ông ta lại bị ốm nặng, cả ngày chỉ nằm trên giường và rên hừ hừ. Tuy vậy, những việc cơm cháo thuốc men cho bà cụ, ông ta giao mặc vợ con, vì mình không có thì giờ trông đến. Bà cụ hình như cũng biết thân mình không quan hệ bằng hai con gà, cho nên, mỗi khi thấy cháu gọi con lên buồng xem sao, bà ấy lại gạt ngay đi.

- Việc thờ không thể nói chơi. Cứ để thầy mày trông nom cho gà. Gọi lên làm gì!

Hôm ấy nhân bữa 25 tháng một. Theo lệ mọi ngày, ông chủ nhà trọ của tôi vừa ở trên giường xuống đất, mắt nhắm mắt mở, chạy luôn ngay ra trước chuồng gà để rước gà ra. Quái lạ! Làm sao hôm nay một trong đôi gà có vẻ khác thường! Thả vào trong lồng, nó cứ rụt cổ mà đứng lù lù. Nhắc cái lồng ra, nó cũng không buồn cựa quậy. Hoảng quá! Ông ấy vội bắt nó lên, để xem là chứng bệnh gì. Chung quanh thân thể không thấy vết tích gì hết. Riêng có cái điều cứng rắn và lớn chần chần như một quả bưởi. Vừa ôm con gà, ông ấy vừa gọi mọi người nhà bung rở cám ra để mình bón thử cho nó mấy viên. Nhưng mà nó không chịu nuốt, viên cám ấn vào trong mỏ, nó lại lắc đầu lắc cổ cho bật ra. Với vẻ mặt không còn sắc máu, ông ấy hằm hằm chạy xuống nhà khách sau khi thả con gà ấy vào lồng của nó. Rồi cơn thịnh nộ theo sự lo sợ nổi lên, ông ta bỏ cả cơm nước, gắt vợ, gắt con luôn miệng. Bởi vì, theo ý ông ấy, con gà bị bệnh là do vợ con ông ta đều không thành kính mà ra.

- Đã bảo không được gọi "ngươi" là "gà", cả nhà không đứa nào nghe! Bây giờ còn năm hôm nữa thì được sửa lễ, nếu như "ngươi" có làm sao, chúng bay còn khổ với ông! Ông thì tống cổ mẹ con nhà mày!

Cứ một câu ấy, ông ta nhắc đi nhắc lại đến mấy chục lượt. Các con đều phải nơm nớp không dám ho he. Hình như chúng cũng tự biết gọi gà là "gà" chính là một cái tội lớn. Cho được chuộc lại cái lỗi ngạo mạn với gà, một lần nữa bà vợ ông ta lại phải đi chợ mua đồ cúng các bộ hạ của "đức thượng đẳng". Trước khi đi, bà ấy dặn anh thợ cày ở nhà già gừng hòa với rượu tẩy uế chuồng gà cho kỹ. Vì sợ chuồng không trai khiết, cho nên sinh ra thế chẳng. Tin tức truyền đi mới chóng làm sao! Bà này mới ra khỏi nhà độ mười lăm phút, họ hàng làng nước kéo đến hỏi thăm rất đông. Người nào, người ấy nét mặt ngờ ngác, giống như đứng trước một tai nạn lớn của người ruột thịt. Giữa khi ấy, bà mẹ ông chủ nhà tôi ở nhà trên lại nổi cơn bệnh. Ngồi ở nhà dưới cũng nghe tiếng rên và tiếng "ói chao". Nhưng không ai nhắc đến bà cụ. Người ta chỉ hỏi chứng bệnh con gà. Có người bày cho ông ấy nên dùng tỏi tươi già nhỏ mà bón cho nó. Ông ta nhất định không nghe, cho rằng tỏi tươi là vật uế tạp, nếu cho gà ăn, nó sẽ uế tạp lây đến gà. Và chẳng, bà vợ ông ấy đã đi mua đồ cúng rồi, nếu lại chữa thuốc cho gà, thì ra mình không tin ở quỷ thần nữa ư! Phải cứ thành tâm tin ở quỷ thần, hễ ngài vuốt ve đi cho thì nó khắc khỏi. Ông ta đáp lại họ mạc làng nước như vậy. Nhưng mà ông ta đã bị thất vọng. Bữa trưa hôm ấy, sau khi bà vợ ở chợ về nhà, đồ lễ đã được sửa soạn một cách hỏa tốc, ông ta liền tự tay ra đình lễ bái và cầu khẩn thiết tha, vậy mà bệnh tình của gà chẳng những không chút thuyên giảm, lại còn trầm trọng hơn nữa. Sáng ngày nó còn chịu đựng và chịu mở mắt, bây giờ thì chỉ nằm phục dưới đất, hai mắt nhắm nghiền, nước mũi chảy ra rành rạch.

Cả nhà đều luống cuống chỉ lo còn con gà nữa lại mắc bệnh nốt. Cực chẳng đã, ông ấy phải dùng bài thuốc của người ta mách lúc này. Thì ra con gà đã mắc phải bệnh thương thực. Bởi tại hôm trước ông ta nhồi cám cho nó quá nhiều, tiêu hóa không kịp, điều nó trương lên. Từ lúc được ít tỏi tươi vào miệng, giúp sức cho sự tiêu hóa, hình như trong mình nó đã thấy dễ chịu, cho nên thỉnh thoảng nó đã đứng dậy, đôi mắt có lúc mở to. Đến chiều hôm ấy, nó đã nhỏ nhẹ mổ vài hạt gạo. Và sáng hôm sau thì nó ăn uống như thường. Trong nhà lúc ấy vui vẻ như tết. Ông ấy lại sửa lễ ra đình để tạ các vị bộ hạ của "đức thượng đẳng". Thấm thoát đến ngày 29 tháng một. Sáng sớm hôm ấy, sau khi ra chuồng thăm gà, ông ta liền sai người nhà quét dọn suốt cả nhà trên nhà dưới, rồi đi gánh nước đổ thêm vào bể. Gần trưa, họ mạc làng xóm kéo đến tấp nập. Người ta chia nhau mỗi người đi làm mỗi việc. Bà này rửa bát, bà kia rửa nôi, ông



này kê bàn, ông kia kê phản, năm bảy ông khác vào chuồng bắt lợn làm thịt. Chừng đến quá trưa, con lợn bị giết đã thành ra mấy chục mâm dấm ghém, la liệt bày khắp cả mấy tòa nhà. Họ hàng ăn xong bữa ấy, mặt trời đã xế về tây. Bấy giờ người ta bắt đầu lo đến việc thờ. Những người làm giúp lúc này chia làm hai đội. Một đội sắp sửa quang gánh gánh mấy thúng gạo ra giếng để vo, vì sợ vo bằng nước bể hột gạo xám đi, sau này xôi sẽ không trắng. Còn một đội nữa thì đi đun nước để làm lông gà. Gần tối, đôi gà đã vặt lông xong. Con nào con ấy màu da trắng nõn. Cả họ đều khen là béo là lớn. Sau khi mấy anh con trai dùng díp nhỏ râu nhỏ hết những sợi lông tơ ở đầu ở cổ, ở quanh hai mỏ đôi gà, ông chủ nhà tôi quyết định để con bị ốm hôm nọ lễ chùa, còn con không ốm thì đem lễ đình, và nói với mấy ông nhiều tuổi trong họ:

- Công việc nuôi gà của tôi thế là xong rồi. Bây giờ còn việc luộc gà xin mặc các cụ. Nếu luộc được khéo, cả họ nhà ta sẽ được tiếng khen. Ạ hay! Luộc gà chẳng qua đến bỏ vào nước mà đun là cùng, có sao ông này lại nói vậy? Hay là trong cái việc ấy ở đây còn có bí quyết gì chẳng? Tôi đương tự hỏi như vậy thì một ông già trong đám đồng dạc đáp ông chủ tôi:

- Cái đó, cụ cứ yên tâm, chúng ta sẽ bắt anh em làm cho thật khéo.

Rồi một người khác đem đến cho họ một bó thanh tre và một cuộn dây gai. Dùng tre làm cốt và dây cuốn ngoài, họ buộc cho hai con gà ngồng cổ, giương cánh, đứng trên mặt mâm. Rồi họ lấy những ruột non, ruột già và bộ dạ dày của nó chẳng từ đâu mổ quặt sang hai cánh làm cho con gà thành ra cái hình con phượng ngậm bức cuộn thư.

Cả đám ngấm nghĩa, ai nấy đều cho là được. Bấy giờ họ mới giục nhau đun nước luộc gà. Mỗi con gà đó, từ cổ đến chân có thể cao đến gần hai thước, hai cánh của nó cũng phải đến hơn một thước, tôi không hiểu rằng luộc vào nồi nào cho vừa, nhưng vẫn yên lặng để xem họ làm ra sao. Luôn trong một lúc thấy họ bắc bếp đến sáu chiếc nồi ba mươi, nồi nào nước cũng gần đến miệng. Nửa đêm, cả sáu nồi nước đều sôi. Người ta liền bưng cả hai mâm gà xuống đó. Dưới hai ngọn đèn hai dây sáng như ban ngày, năm sáu cái gáo chĩa vào các nồi mức nước giội từ đầu gà trở xuống. Và cứ giội luôn như thế không lúc nào ngơi, hết nồi nước ấy, họ lại nấu nồi nước khác, trong bếp không lúc nào không sẵn nước sôi. Giội đến gần sáng thì gà vừa chín. Té ra cái kiểu luộc gà của họ là vậy. Chờ cho đôi gà đều nguội, họ cởi hết các dây chẳng, đặt vào trong giữa mâm xôi rồi đem ra đình và đưa lên chùa. Lễ xong, con gà của ông chủ nhà tôi cân được 7 cân. Ông ấy sung sướng bảo tôi:

- Đòi như thế là mãn nguyện!

## Góc chiếu giữa đình

Trời đã quá trưa. Tôi vừa về đến nhà trọ, đã thấy người nhà ông L đã sang mời. Lần này là ba. Sáng ngày đã hai lần rồi. Trước sự ân cần như vậy, ai mà có thể từ chối. Bởi tại hôm nay nhằm kỳ bình văn, tôi phải có mặt ở trường, nên còn xin khát đến chiều. Kể ra tôi với ông không phải có thân tình gì. Vì tôi trọ học ở gần nhà ông thành ra quen ông. Người ta bảo với tôi rằng: Ông rất thật thà chăm chỉ. Trước đó chừng mười lăm năm, ông còn làm nghề cày thuê, vợ ông thì chuyên đi ở vú sữa. Cái chính sách tiết kiệm, trong một thời kỳ khá dài, đã đưa nhà ông lên đến bậc có máu mặt, lưng vốn ở nhà đã có gần mẫu ruộng và nửa con trâu. Trong mấy năm nay, vợ ông đã không còn sữa, ông cũng không được khỏe mạnh như xưa, cho nên cả hai đều tự hưu trí để cùng trông nom nhà cửa ruộng nương. Nhờ trời hồi ấy luôn luôn được mùa, vận ông lại càng tấn tới, trong chuồng lúc nào cũng có lợn lớn, thóc lúa đủ ăn từ vụ nọ đến vụ kia.

Trong cái hạnh phúc của loài người, ông không mong gì hơn thế, nếu như làng ông không có cái đình. Khổ vì cái làng Đ.Tr. nhà ông tuy không phải làng văn vật, nhưng mà rất có trật tự. Bao giờ cũng vậy, ngôi chỗ trong đình làng ấy cũng như ngôi chỗ ở các rạp hát, vẫn chia ra rất nhiều lô: trên nhất là chiếu phẩm hàm, rồi đến các chiếu chức dịch, trai đình phải ngồi vào lớp cuối cùng. Ông tuy ngoài năm chục tuổi, nhưng vẫn là hạng bạch đình, mỗi khi ra đình, chỉ

được ngồi với bọn bố cu, bố đĩ. Điều đó, ông rất lấy làm bất mãn. Nhiều lần làng khuyết lý trưởng, phó lý, ông đã dốc lòng định mưu lấy chút danh phận. Chỉ vì ông không biết một thứ chữ nào, cho nên không được như nguyện. Năm nay, mái đình làng ấy có mấy chỗ dột. Dân làng cũng mong chữa lại, nhưng mà tiền công của làng chỉ vừa đủ để các hào lý đi việc quan, không còn thừa mà mua ngói. Các ông kỳ dịch liền gọi ông ra giữa đình, để bán cho ông cái chức "lý cựu" lấy một trăm bạc chi tiêu vào công việc tu bổ.

Lúc đầu ông cũng phân vân, vì sợ cái của "không tân mà cựu" sẽ không được ai quý trọng. Mấy ông kỳ dịch nói rất bùi tai, họ bảo người ta bỏ hàng năm, bảy trăm, một nghìn để làm ông lý, ông phó. Đàng này, ông chỉ tốn một trăm bạc, không vất vả gì, mà rồi cũng được ngồi ngang với họ, ăn biếu ăn xén như họ. Ấy là một dịp hiếm có, không nên bỏ qua. Nghe vậy, ông cũng cho là rất có lý và đã bàn kỹ với vợ. Vợ ông cũng muốn được làm bà Cựu, nên cũng khuyên ông cố lo. Từ nửa tháng trước, ông đã bán trâu, bán ruộng, được hơn trăm bạc, để nộp cho làng. Thế là công việc mười phần đã xong chín phần, chỉ còn khao làng một bữa, thì sẽ thành danh ông Cựu. Đáng lẽ bữa khao ấy ông định hoãn đến tháng mười, đợi cho lúa gạo của nhà, đỡ phải vay mượn mất lãi. Nhưng mấy ông hương lý không nghe. Họ nói để lâu không tiện, dân làng đã vậy, còn quý thân. ừ thì cái áo còn lo được, hưởng chi cái giải! Trước một lần, sau cũng một lần, lo lúc nào thì xong lúc ấy.

Ông nghĩ vậy, nên mới cố mua bát họ hơn sáu chục đồng để lo cho yên. Cứ ý bà Cựu, thì cuộc khao này chỉ cốt cho đủ lệ làng, không mời khách khứa nào cả. Ông Cựu không chịu. Bây giờ ông đã làm bậc lý cựu trong làng, không thể xử cách nhom nhem được. Bởi vậy, ông định làm thật linh đình. Nhà chật. Trừ khu bếp đun, toàn thể dinh cư chỉ có bốn gian một chái nhà tranh. Ngày thường, với gia đình ông như thế cũng là rộng. Lúc nào có việc, nó không đủ chỗ để chứa làng xóm họ mạc. Từ chiều hôm qua, ông đã sai mỗ con lợn, để nhờ bà con dựng hộ gian rạp. Bây giờ đã nửa tháng tám, công việc ngoài đồng xong rồi, cả làng ai cũng rồi rảnh. Tôi tuy chưa sang nhà ông, cũng nghe nói số người giúp đáp đông lắm. Mẹ nào con ấy, chị nào em ấy, người ta kéo vào từng lũ. Cái anh người nhà sang mời khoe rằng:

- Bữa chiều hôm qua, tất cả năm chục mâm cỗ. Con lợn bảy yển, chỉ ăn một lượt là hết. Sáng nay ông Cựu lại cho giết ba con nữa, hai con để họ hàng ăn cơm, một con để đem lễ thờ, rồi biếu dân làng.

Và hắn nói thêm:

- Nhưng cũng chưa đủ. Chiều nay còn mời các lão và tư văn, thế nào cũng phải vài ba con nữa. Rồi hắn giục tôi:

- Rước ông sang ngay đi cho kéo ông Cựu tôi lại bắt người khác sang mời. Ở bên ấy, các ông hàng tổng đương đợi ông đấy.

Anh ta nói đúng. Tôi còn lúi húi rửa mặt, đã nghe có tiếng lợn kêu eng éc tự phía ngõ ngoài đi vào. Và một lát sau lại có người nữa sang giục. Thay xong quần áo, tôi theo hai anh người nhà cùng đi. Từ cổng trở vào, bát đĩa mâm nôi la liệt bày khắp mặt đất. Trong rạp đông nghịt những người. Đám này không khác gì các đám khác, ngoài một số người tay dao tay thớt, lại có các ông chỉ chuyên thuốc phiện và tổ tôm. Tôi ngó hai dãy phản rạp thấy có ba bàn tổ tôm và bốn bàn thuốc phiện. Thì ra cái bữa thết làng tuy đã xong từ sáng ngày, nhưng mà các ông kỳ dịch vì có cảm tình với ông "Cựu mới" cho nên còn lưu lại đó tất cả.

Thoáng thấy bóng tôi, ông Cựu chào hỏi một cách lợi lả và mời tôi vào trong nhà ngồi với mấy người làng bên. Rồi ông trách tôi đã tệ với ông, vì từ hôm qua đến giờ mới sang. Theo lệ tôi mở ví lấy một đồng bạc ra mừng.

Ông Cựu ra ý không thích và nói:

- Ông cho nhà cháu mấy chữ chả quý hơn ư? Tiền tuy cũng quý, nhưng nhà cháu còn có thể kiếm ra được. Hay là để cháu mua một đôi liễn, rồi ông viết chữ vào cho.

Tôi còn chưa kịp trả lời, thì thấy một người tất tả chạy vào báo với ông Cựu:

- Tư văn đã vào! Ông Cựu lật đật chạy ra ngoài rạp. Thằng Mới vừa bung vào đó một mâm cau và một bánh pháo.

Theo nó, một bọn lố nhố độ hai chục người tiến vào trong rạp. Sau khi đã nói vài câu chiếu lệ, ông Cựu mời họ sang ngồi nhờ ở nhà lán giềng, rồi ông giục người bung cỗ sang đó. Một ông ở bàn thuốc phiện vào chỗ tôi ngồi, nói chuyện tiếp tôi:

- Ông nó lo một việc này, có lẽ cũng tốn đến hai trăm bạc. Song cũng còn may! Ông tính không làm việc ngày nào, tự nhiên thành người kỳ cựu, chễm chệ ngồi chiếu cạp điều giữa đình, há chẳng sướng sao? Vì có chúng tôi giúp cho thì việc mới xong, người khác đâu được như thế. Uống rượu xong, tôi từ biệt ra về. Tới cổng lại thấy một lũ kéo vào. Đó là các lão trong làng vào mừng ông Cựu. Cuộc linh đình còn mãi đến sáng hôm sau.

Năm hôm sau nữa, tôi gặp bà Cựu cấp nón đi ra cổng làng, với một dáng điệu không vui:

- Chào ông ở nhà, cháu đi làm đây.

Và không đợi tôi hỏi, bà ấy vội vàng cất nghĩa:

- Cháu sang Hà Nội làm vú già ông ạ. Có gần mẫu ruộng và nửa con trâu đã bán hết cả, lại còn nợ thêm hơn bảy chục đồng, nếu không đi làm thì lấy gì mà đóng họ?

## Hạt gạo xôi mới

Hôm nay vừa đầy tám ngày, ngày nào trong nhà ông Quyết cũng thấy họ mạc kéo đến tấp nập. Có gì đâu? ông ta phải sửa xôi mới. Với làng Th. của ông Quyết cũng như với nhiều làng khác, xôi mới vẫn là một lễ long trọng. Hễ làng chưa làm lễ ấy, các nhà không ai được ăn, hoặc cúng, hay bán thứ gì bằng nếp. Người nào phạm vào điều đó sẽ bị bắt vạ tức thì. Là vì theo tục thôn quê, nghề gì cũng có tiên sư, tiên sư của nghề làm ruộng là ông Thần nông. Muốn đền cái ơn dạy dân cấy gặt và muốn cầu cho suốt năm mưa thuận, gió hòa, hàng năm, đến mùa lúa chín, người ta phải tế ông ấy bằng ba mâm xôi bằng gạo nếp mới, ý nghĩa của lễ xôi mới là vậy.

Cho được tỏ lòng thành kính đối với quỷ thần, làng lại bắt buộc gạo ấy phải do người làng làm ra, không được mua sẵn ở chợ, sợ rằng gạo chợ không được tinh khiết. Bởi vậy, làng đã để riêng một mẫu ruộng tốt, mỗi năm, chiếu theo ngôi thứ giao cho bốn người cày cấy. Rồi khi gặt lúa, mỗi người phải thổi cho làng một nồi gạo xôi. Ruộng ấy, năm nay đến lượt ông Quyết được cày một phần. Việc thờ không phải chuyện chơi.

Trước kia, mỗi lần cày ruộng, gieo mạ, cấy lúa, làm cỏ, lần nào ông cũng phải sửa cỗ xôi con gà ra đình lễ thánh để trình công việc của mình, và lần nào ông cũng được có anh em họ hàng giúp hết mọi việc, không phải thuê mướn một buổi nào hết. Cố nhiên, được người làm giúp, nhà chủ vẫn phải tốn hơn thuê người làm mướn, vì phải cung đốn bà con một bữa cơm rượu xứng đáng với hảo tâm của họ. Nhưng ở nhà quê, nếu không được thế, sẽ bị người ta chê cười, cho nên dù có phí tổn ông cũng chẳng quản.

Bây giờ việc thờ đã sắp đến ngày hoàn thành, số người làm giúp lại đông gấp mấy, thời kỳ làm giúp cũng dài gấp mấy khi trước. Bắt đầu từ hôm lúa chín, bên nội, bên ngoại đã có hơn hai chục người gồng quang xách liềm ra ruộng, cắt lúa cho ông. Ấy là chưa kể những người ở nhà làm đồ uống rượu. Nhà ông có bao nhiêu ruộng cấy nếp, người ta chỉ gặt một buổi là xong.

Hôm sau, họ mặc lại đến đông đủ. Lúa cắt hết rồi, còn có việc gì để người ta làm? May quá, trong giống lúa nếp, bao giờ cũng có nhiều cây lúa nghén. Nghén là một thứ dở nếp dở tẻ, bởi khi hoa cái lúa nếp phơi màu, phần của hoa đực lúa tẻ ở các ruộng khác bay vào, rồi nó chung đực cho hạt lúa nếp pha lẫn tính chất lúa tẻ. Đến khi gieo mạ, những hạt lúa ấy mọc lên, thành cây lúa nghén. Lúa nghén thổi cơm thì nát, thổi xôi không chín, là một thứ lúa vô dụng. Vì vậy, người ta cứ phải nhặt bỏ nó đi. Cây nghén bao giờ cũng dài hơn cây lúa nếp, nhặt nó cũng không khó lắm. Ở mọi nhà, họ cứ để nguyên đồng lúa, sai lũ trẻ con rút đi một lượt là hết. Đàng này ông Quyết thừa người, việc ấy đã hóa ra việc quan trọng.

Trước khi đập lúa, họ mặc mỗi người lấy vài lượm lúa đem ra ngồi khắp trong sân, vừa bói những dé lúa nghén, vừa kể chuyện cổ tích cho vui đình đám. Rồi khi nhặt hết lúa nghén, người ta chỉ cắt vài người kê cối mà đập, còn các người khác thì cùng lấy đũa kẹp vào dé lúa mà tuốt cho lúa rụng ra, không cần đập gì cả. Bởi vì, nếu ai cũng đập, việc sẽ chóng xong, họ mặc còn giúp vào đâu? Tuy vậy, bấy nhiêu công việc, cũng chỉ làm trong một ngày là xong. Qua bữa thứ ba, người ta lại cùng nhau kéo đến để giúp ông về việc phơi lúa. Lúc này, ai nấy đều muốn tỏ mình là kẻ đắc lực. Lúa đổ ra nong, người ta tranh nhau trang cào. Hạt thóc ít khi được nằm yên độ vài chục phút. Mọi nhà phơi lúa còn bị gà chim quấy nhiễu, nhà ông nhờ có họ mặc trông nom một cách tận tâm, chẳng những gà vịt không thể bạ men, mà đến con ruồi con nhặng cũng khó lai vãng trên sân lúa. Lúa phơi hai ngày thì già. Sang bữa thứ năm, bà con lại chiếu lệ kéo đến xay, giã. Bây giờ công việc đã có trật tự, người ta cắt những chàng trai khỏe mạnh đội gạo đi giã, còn các ông già, bà già thì phải ở nhà trông coi, hoặc là bổ cau, tằm trầu, xào nấu các món ăn uống. Luôn hai ngày nay, các cối giã gạo trong xóm đều phải nhường chỗ cho hạt gạo thờ. Mấy nhà gần đó luôn luôn có tiếng xì xọp. Cái chỗ tôi trọ chỉ cách nhà ông một bức rào thưa. Quang cảnh linh đình của nhà ông vẫn tự do hiện vào mắt tôi.

Liên trong tám ngày, tôi thấy ngày nào vợ ông cũng phải hai lần gồng thúng đi chợ để mua đồ ăn. Mỗi bữa thường thường có bảy tám mâm uống rượu. Trong nhà không đủ chỗ ngồi, người ta phải ngồi la liệt ngoài sân. Những lúc họ mặc say sưa, tiếng cười tiếng nói vang như cái chợ. - Việc này bác cháu cũng phải tốn đến dăm chục. Mấy anh sang giã gạo nhờ ở nhà tôi trọ nói với tôi như thế khi họ nghĩ việc lên chỗ tôi ở để hút thuốc lào.

Ngạc nhiên tôi hỏi:

- Nghe nói lệ làng chỉ có một nồi gạo xôi thoi mà! Ông ấy tiêu gì mà hết đến bấy nhiêu tiền?

Họ đáp: - Vâng! Theo lệ làng cháu, mỗi người cấy ruộng xôi mới chỉ phải nộp làng một nồi xôi. Nhưng mà việc gì cũng vậy, một "tang" mười "ngoại" là thường, có khi còn hơn thế nữa. Để cháu xin nói cho ông nghe: "Phần ruộng của làng chia cho bác cháu năm nay, tất cả là hai sào rưỡi. Nếu như gặp năm được mùa, số ruộng ấy cũng được mười lăm nồi thóc, thừa đủ để thổi xôi làng. Nhưng lỡ phải năm mất mùa, nó chỉ được một hai nồi thì làm thế nào? Vì thế, bác cháu đã phải thuê thêm hơn hai sào nữa, dự phòng chỗ hao hụt đó. Rủi cho bác cháu, năm nay tiếng rằng được mùa, nhưng mà các ruộng lúa nếp, ruộng nào cũng bị chuột ăn.

Từ khi lúa mới có đồng, bác cháu đã phải đốc xuất người nhà ra ruộng đuổi chuột. Có khi bố con cắt canh mà thức suốt đêm ở các bờ ruộng. Vậy mà nó vẫn ăn hủy ăn hoại, mười phần mất đến chín phần, hơn bốn sào gặt về phơi giã, quạt sạch, chỉ được mười ba nồi thóc, ông tính thế có hại không! Nếu là xôi thường, một nồi gạo chỉ xay độ một nồi thóc là đủ. Nhưng là xôi thờ, bác cháu phải cho xay tám nồi thóc tất cả. Bởi vì, xay rồi còn giã, giã rồi còn phải lựa những hạt đốn, hạt gãy bỏ đi. Tám nồi thóc lấy một nồi gạo, cũng không còn thừa mấy nổi. Và lại, từ hạt thóc làm ra hạt gạo, có phải dễ đâu? Luôn tám hôm nay, hôm nào họ mặc giúp đập cũng phải chèn chén. Chúng cháu tính ra mỗi ngày hà tiện cũng hết độ bốn đồng. Thế mà gạo

đã được đâu? Còn phải giã thêm hai, ba ngày nữa. Giã đến khi nào hạt gạo bóng nhoáng, cảm ở trong gạo trắng như vôi mới thôi!

Tôi lấy làm lạ, lại hỏi nữa:

- Lệ làng bắt phải như thế hay sao?

Họ lắc đầu nói tiếp:

- Không! Chẳng có lệ ngạch nào bắt. Chỉ vì một lớp bốn người cùng phải thổi xôi, người nào cũng sợ xôi của mình thua kém xôi của người ta, thì sẽ mang tiếng với làng, cho nên ai cũng phải cố. Trước kia làng đã có lắm người chỉ sửa một "vấn" xôi mới mà mất cơ nghiệp ông a.

Rồi họ kết luận:

- Bác cháu lo xong việc này cũng không còn gì. Hôm qua đã phải bán một cái chum đựng nước lấy tiền mua rượu. Thì ra hạt gạo xôi mới có khi là cả gia tài của người ta.

## Một chiếc lăm lợn

Bấy giờ bóng đã chiều cả. Mặt trời chỉ cách ngọn tre của dãy làng xóm xa xa độ vài con sào. Chân trời phía tây dần dần hiện những tia đỏ. Dưới đồng còn đông người làm. Trong rừng ngô đậu xanh rì, tiếng hát theo gió đưa đi réo rắt. Tôi vừa đi đến ngã tư rẽ vào con đường làng Đ.C và những giọng lên bổng xuống chìm của bọn gái quê xới đậu, vun ngô như đương bảo tôi khoan bước để thưởng cái cảnh trời xuân mình mị. Bỗng ở trong nẻo đầu làng có tiếng thét lớn, như phá cái bầu tịch mịch của cánh đồng chiều, làm cho các đám hát xướng đều phải im bật. Càng đi gần lại, tiếng thét càng dữ thêm. Tiếp đến tiếng chửi phũ phàng của cơn thịnh nộ, rồi đến tiếng kêu làng nước inh ỏi. Trong khu vắng chỉ của làng Đ.C. bóng người đen kịt. Và ở cổng làng cũng như các ngã đường khác, đàn ông đàn bà tất tả chạy ra. Ai cũng như nấy, mỗi người trong tay đều có một món khí giới, hoặc sào, hoặc gậy, hoặc cán cuốc, hoặc đòn gánh, có người thì vác cái vò đập đất. Tứ chi bát mạch, nhất tề đổ vào khu đất vắng chỉ với một bộ điệu hùng hổ.

Đánh! Đánh! Đánh!

Mấy tiếng thét đánh vừa dứt, cuộc hỗn chiến tức thì bắt đầu. Đòn gánh giơ lên, tai cuốc bổ xuống, tiếng chí chát của các khí giới đụng nhau xen lộn với tiếng kêu, tiếng chửi, tiếng gầm gào, nghe thật gớm ghiếc. Tôi phải dừng lại ở một quãng xa để chờ đến lúc tan cuộc, vì rằng đường đi đã bị chiến trường ngăn cản, không có lối nào qua được. Tán náo kịch mỗi lúc một thêm kịch liệt. Các toán viện binh các nơi vẫn tiếp tục kéo đến ầm ầm. Đáng sợ nhất là mấy mục đàn bà. Xấn vác, xấn áo và quần bụi tóc vênh ngược, các mục liều mạng xông vào trận địa như một đội quân cảm tử.

Tôi phải rùng mình sơn gáy, khi thấy một người lực điền thẳng tay giơ vò đập đất bổ vào đầu một ông già vừa chui ra khỏi vòng vây. Ông già ấy loạng choạng, lão đảo như con gà toi giẫy chết rồi ngã phục vị xuống đất. Người lực điền kia lại vác chiếc vò nghênh ngang vào trận. Giữa đám tụi bụi, thấp thoáng có bóng xanh xanh. Khi đã lách qua vòng vây, bóng xanh xanh liền hiện ra thành hình người. Ôi! Lạ! Trong đám ầu đã lại có người mặc áo thụng lam và đội mũ nhiều hoa bạc! Tuy rằng đứng ở đằng xa, tôi cũng trông rõ hình dạng. Người ấy hàm râu đã dài, cái áo thụng lam đã toạc vạt trước, trên trán có một vết đỏ chạy thẳng từ trán xuống cằm, có lẽ là vết máu chảy. Chỉ kịp lật mũ vạt xuống vệ đường, người ấy vén tay áo thụng, giằng lấy chiếc gậy của một người khác, rồi quay vào đám đông người, ra sức vục lấy vục để. Hình như bây giờ đến hồi loạn chiến, người ta chỉ cốt đánh cho sướng tay, bắt phân ai là phe thân, ai là phe thù. Vì vậy, giao chiến đã lâu mà vẫn chưa phân thắng phụ. Phía trong cổng làng chợt có tiếng hiệu rúc hồi. Một đoàn tuần phủ độ hơn mười người, kẻ vác giáo, người vác mã tấu, tấp

nập đi theo lý trưởng tiến lên khu đất văn chỉ.

- Trói lại! Trói hết cả lại! Điệu về đình kia! Đánh nhau chết người ra đấy, tội vạ ai chịu?

Lý trưởng thét vừa dứt miệng, cả bọn tuần đình hăng hái sấn vào đám đông, đàn áp một cách hùng dũng và can đảm. Các tay chiến sĩ tuy đương "ham đánh" nhưng cũng còn sợ pháp luật, thấy bóng tuần phiên tiến vào, ai nấy tản mác lùi ra, kẻ này chạy vào trong làng, người kia trốn xuống dưới ruộng. Trên bãi chiến trường còn lại bọn tuần đình với một đám độ hơn mười người hầu hết có mặc áo thụng. Cái gì thế nhỉ? Cớ sao người ta lại bận lễ phục để đi đánh nhau? Hay là ở đây cũng là cửa Khổng, sân Trình, cho nên dù là đánh nhau, cũng phải giữ lễ? Giông tố đã yên, tôi bèn lại chỗ văn chỉ để về trong làng, và luôn thể coi qua cho biết tình hình cuộc đại chiến. Té ra những ông áo thụng còn lại đó rất là "tư văn" và đều bị thương tất cả. Đau nhất là ông Cựu Thịnh. Ông ấy bị một vết ở má bên phải. Hình như nó là vết thương của mấu đòn gánh đập vào -gò má bị khuyết mất một miếng thịt khá to, cái xương lòi ra, máu chảy rành rạch xuống vai áo thụng. Rồi đến ông Cựu Bình. Không biết ông này bị những cái gì đánh vào má trông thảm quá, giữa trán bươu lên như quả ổi lớn, gò má bên trái sưng húp như cái đồng chai úp vào.

Con mắt bên ấy híp lại như mắt lợn ỳ. Rồi đến ông Phó Đê, cái ông bị một cái vồ lúc nãy. Ông ấy mất mảng tóc đỉnh đầu, thịt non phơi ra đỏ hồng. Cả ba ông đó cùng phải nằm liệt dưới đất, thi nhau kêu rên hừ hừ. Còn các ông khác, hoặc bị thương ở mặt, hoặc bị thương ở tay, hoặc bị thương ở vai hay cổ, tuy cũng đau lắm, nhưng còn có thể ngồi gượng. Sau khi sai người lấy chiếu đắp cho những người đau nặng, lý trưởng cất bọn tuần phiên, một nửa ở đó canh gác, một nửa thì đi lùng bắt những kẻ có dự vào cuộc chiến tranh. Rồi hấn về nhà đóng ngựa lên huyện, khát quan về khám. Lúc ấy trời đã gần tối, những người làm đồng lữ lượt trở về. Một người cùng đi một đường với tôi, đã được chứng kiến trận ẩu đả ấy và có biết rõ nguyên ủy. Cứ như anh ta đã nói, thì căn do của tấm thảm kịch chỉ tại một chiếc lăm lợn. Làng Đ.C. cũng như làng khác, vẫn có riêng một số người chuyên coi về việc tế tự, người ta gọi là "tư văn" hay là "văn giáp", hoặc "văn hội", có làng gọi là "quan viên". Mỗi khi làng có cúng tế thì từ chủ tế đến việc rước nến, bưng đài, đều do tư văn phải làm.

Theo nguyên tắc, hội "tư văn" tức là môn đồ của Khổng phu tử. Bởi vì trong số hội viên, trừ những người dưới do làng bầu ra, các người đứng đầu phải là những bậc khoa hoạn. Làng nào không có khoa hoạn, thì lấy những người chức sắc thay vào. Hàng năm, cứ đến ngày "đình" của tháng giữa mùa xuân và ngày "đình" của tháng giữa mùa thu, tư văn làm lễ tế tại văn chỉ, gọi là xuân đình và thu đình. Đó là lễ riêng của hội tư văn, người ngoài không ai được dự. Nhưng không phải là tế Khổng tử. Quyền tế Khổng tử thuộc về nhà vua và các văn miếu hàng tỉnh, hàng phủ, còn dân gian thì chỉ được tế những vị "tiên đạt" của làng mình. Làng Đ.C. không có khoa mục. Chức Chưởng lễ của hội tư văn vẫn thuộc về cụ Bá Trung. Đáng lẽ mỗi khi trong làng có tế, bất kỳ là tế ở đâu, cụ ấy vẫn được giữ ngôi tế chủ. Nhưng vì tuổi già, lễ bái khó nhọc, cho nên cụ ấy vẫn giao công việc chủ tế cho ông Cửu Nghĩa. Theo lệ nhất định, những khi làng làm lễ bằng lợn, cái sỏ lợn phải để biếu cụ Chưởng lễ, còn cái cổ lợn thì cắt làm hai khoanh tròn - người ta gọi là cái lăm -một khoanh biếu ông tả văn, một khoanh nữa thì để biếu một ông nào đã gánh công việc chủ tế. Chủ tế là ông tả văn, ông ấy sẽ được hưởng cả đôi lăm, nếu chủ tế là cụ Chưởng lễ, thì phần cụ ấy phải có một lăm một sỏ. Mọi khi hai cái lăm của con lợn tế thần đều là phần ông Cửu Nghĩa.

Bởi vì ông ấy vừa quyền tế chủ lại vừa viết văn. Nhưng độ này ông Cửu Nghĩa ốm nặng, ngày mai tư văn làm lễ xuân đình chắc là ông ta không thể ra làm chủ tế. Chức ấy phải cất đên người thứ ba. Từ chiều hôm nay, tư văn có sửa tuần rượu đệ lên văn chỉ làm lễ "túc yết". Ai vào chủ tế ngày mai, hôm nay phải lên văn chỉ mà khấn, để các tư văn lễ theo. Chiếu theo ngôi thứ, chức chủ tế ngày mai đến ông Cựu Thịnh, và rồi ông ấy sẽ được hưởng cái lăm lợn dư huệ của ông Cửu Nghĩa.

Ông Cựu Bình lấy thế làm tức. Bởi vì, nếu ông Cựu Thịnh từ chối, thì chức tế chủ và cái lăm lợn ngày mai sẽ về ông ta. Đợi lúc ông Cựu Thịnh xúng xính mũ áo, sắp sửa vào khấn, ông Cựu Bình ngăn lại và nói:

- Ông định khẩn như thế nào, phải đọc trước cho cả tư văn cùng nghe cái đã!

Cái đó mới hiểm độc chứ!

Một người suốt đời chưa học chữ nào như ông Cựu Thịnh thì đọc văn khẩn làm sao cho trôi.

Bí quá, ông Cựu Thịnh phát cáu:

- Khẩn thế nào, tôi không phải trình với anh.

Ông Cựu Bình càng làm già:

- Không phải trình tôi, thế thì nếu anh khẩn cha, khẩn mẹ về đó, tư văn cũng phải chịu à?

Ông Cựu Thịnh đương cơn tức tối, liền tát cho ông Cựu Bình một cái và thét:

- À! Thăng này mày chửi ông à?

Ông Cựu Bình cũng không chịu nhịn, túm luôn lấy cổ áo thụng ông này và đâm vào gáy một chập. Trong đám tư văn, có người là họ ông Thịnh, có người là họ ông Bình, thấy hai bên đánh nhau, kẻ thì kêu làng cầu cứu, người thì xông vào đánh giùm. Lúc này, người làm dưới đồng còn đông, những kẻ thù ghét cả hai ông kia, thi nhau kéo lên đánh hôi, cốt để gieo vạ cho kẻ thù xướng, vì thế mới ra cuộc đại chiến, và mới đến bấy nhiêu người bị thương. Nửa đêm hôm ấy quan huyện mới về biên án. Ngay lúc đó, những người bị thương đều được khiêng lên nhà thương. Khi họ đi đường, người ta còn nghe tiếng rên ầm ầm...

## Một tiệc ăn vạ

Hôm ấy nhằm phiên chợ Đình, cái chợ mà cả làng Đ.G. đều sống về nó. Tôi đi đến đầu làng ấy giữa lúc người làng đi chợ đương đông. Quái lạ! Làm sao hôm nay không có đàn ông, trên đường rất những đàn bà. Kẻ gồng rau, người gánh gạo, bà này gồng chiếc lồng lợn, bà kia quẩy đôi lồng gà, hết lũ dài đến lũ ngắn, người ta tiếng to tiếng nhỏ, nhao nhao nói chuyện với nhau.

- Khốn nạn! Trông thấy tình cảnh ông Sửu mà tôi thương quá. Hôm qua đến giờ, bà vợ lúc nào nét mặt cũng ủ rầu rầu, ông chồng chỉ nằm thờ dài, có lúc đâm mãi hai tay vào ngực, hàm răng nghiến lại kèn kẹt...

Bà ấy còn định nói nữa, nhưng bị bà khác cướp lời:

- Tôi cũng ái ngại cho ông ấy. Tội nghiệp! Cả vợ lẫn chồng ai cũng hiền lành biết điều, thật thà như đếm. Không hiểu có gì lại bị nhiều người ghét bỏ đến thế? Phen này không khéo hết cả cơ nghiệp!

Một bà thứ ba nói xen: - Các bà là bậc nhân đức từ bi, các bà cứ thương ông ấy. Riêng tôi, tôi chẳng thương một chút nào!... Anh em ít, cánh vé không có, thế mà vẫn không biết thân, lại còn cứ bướng, thì ai người ta để cho yên lành!

Lại một bà nữa tiếp theo:

- Phải, bà nói phải đấy! Mình ở trong làng, sống nhờ làng, chết nhờ làng. Cái người đã dám vác miêng chửi làng, thì bị trừng trị là đáng kiếp lắm. Hơi đâu mà thương.

Rồi một bà nữa cãi lại: - Các bà đừng nói thế, oan cho ông ta! Chẳng qua ghét nhau thì họ gấp lửa bỏ vào bàn tay... chứ đời nào ông ấy dám động đến làng. Luôn mấy năm nay, hết người này ăn hiếp, lại đến người kia đè lấn, ông ấy vẫn nhịn như nhịn cơm sống, có dám bướng bình với ai đâu!

Còn nữa! Làn sóng dư luận còn kéo dài mãi ở dọc đường. Nhưng nó mỗi lúc mỗi theo những gánh gà lợn, rau gạo đi xa dần, nên khi bay lại tai tôi, không còn rõ là tiếng gì nữa. Cố nhiên tôi không có ý nghe chi những chuyện giữa trời, nhưng vì nó đã ngẫu nhiên lọt vào tai, tôi cũng ngẫu nhiên bần óc vì nó. "Chắc là trong làng đã có người nào bị đánh bị trói gì đây". Với câu



phỏng đoán đó vợ vẫn trong óc, tôi lững thững đi vào cổng làng. Người làng ở trong các xóm, lũ lượt kéo ra con đường giữa làng, già có, trẻ có, con nít cũng có.

Trái lại với quang cảnh của đoạn đường lúc nãy, ở đây rất nhiều đàn ông, thỉnh thoảng mới có một người đàn bà. Với những tiếng cười cười, nói nói, vui như đám hội, người ta đổ xô về nẻo cuối làng. Xen lộn vào sự xô xao của đám đông người, ở trong các xóm, lại có tiếng lợn eng éc. "Không phải là chuyện đánh nhau, trối nhau, có lẽ người ta sắp sửa có cuộc ăn uống. Phải rồi, hôm nay đàn ông vì bận ăn uống, nên mới nhường hết quyền đi chợ Đình cho bọn đàn bà, đoạn này toàn là đàn ông", tôi vừa cải chính cái câu của tôi phỏng đoán mới rồi, vừa im lặng đi theo một con đường với lũ người ấy. Và tôi đã từ biệt họ khi đến khỏi đình: họ đi tấp nập kéo vào điểm đình, thì tôi rẽ sang nhà Khóa Trúc, người bạn đồng học với tôi năm xưa.

Bởi vì chúng tôi có hẹn trước nên lúc ấy anh Trúc đương vợ vẫn đón tôi ở chỗ đầu ngõ. Đường đi tuy rằng hơi xa, nhưng nhà anh này lại ở kề với sân điểm và chỉ cách khu điểm một bức rào bằng gỗ tây. Vào ngồi trong nhà anh ấy, tôi còn thấy rõ hết thảy cảnh tượng trong điểm. Cái điểm rộng quá!

Ngoài một tòa chính ở giữa lại có hai tòa giải vũ kèm ở hai đầu, mỗi tòa độ bốn năm gian. Đám người lúc nãy lần lượt tiến vào đến cửa điểm. Các ông già và người cao tuổi lên thẳng tòa chính, còn người ít tuổi và đám con nít thì xuống hai tòa giải vũ. Giấy lát, ba bọn đàn ông lượm lương khiêng ba con lợn bị trối đặt vào trước sân, và một lũ người khác đài tải tới đó đủ hết các thứ: bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá và nồi ba mươi. Rồi đó, bọn này bắc nồi đun nước, bọn kia dè lợn chọc tiết. Bắt đầu câu chuyện, tôi phải hỏi ngay anh Trúc:

- Đám ấy là đám gì, đám gì mà có đủ từ ông bạc đầu đến lũ trẻ con!

Anh Trúc mỉm cười đáp:

- Đó là một đám ăn vạ!

Rồi vừa pha nước, anh ấy vừa tiếp:

- Cái tục ăn vạ, thiên hạ cũng nhiều nơi có. Nhưng mà có lẽ không đâu nặng bằng làng tôi. Bởi vì theo lệ làng tôi, quyền hành của bốn "trùm nhất" lớn lắm, bao nhiêu công việc trong làng đều do bọn họ quyết định, lý dịch cũng phải theo họ. Người nào cưỡng lại với họ, ấy là họ sẽ tìm cách ăn vạ.

Như đã thấy tôi không hiểu "ăn vạ" là gì, anh Trúc uống cạn chén nước rồi thêm:

- Chắc anh chưa được chứng kiến cuộc ăn vạ nào thì phải! Có gì đâu, người nào có lỗi với "làng" thì "làng" cứ việc mua lợn, mua rượu, mua gạo đem ra điểm làng mà ăn. Phí tổn bao nhiêu, người có lỗi đó phải chịu. Hôm nay họ ăn vạ lão Sửu. Tội nghiệp! Lão ấy hiền lành, thật thà nhất làng tôi đấy! Chỉ vì nhà đã lép vế, lại có bát ăn, một hôm một ông trong bốn ông "trùm" đến nhà hỏi vay gánh lúa, lão ta đi vắng, mụ vợ chối là không có, ông trùm kia lấy làm thù, cách vài hôm sau hấn mượn việc làng sinh sự cãi nhau với lão ấy, rồi hấn vu cho lão ta chửi làng và đem chuyện đó trình "làng". "Làng" là bọn đó chứ có ai đâu! Chúng với hấn cũng như một đào một kép, cho nên khi thấy hấn trình, chúng liền hòa nhau bắt vạ lão Sửu.

Anh Trúc rót chén nước nữa cho tôi, rồi tỏ vẻ ái ngại:

- Cuộc ăn vạ này, chúng làm hại lão ta đến hơn trăm bạc. Bởi vì chúng ăn to lắm, ăn suốt từ trên đến dưới. Những đứa con nít toét mắt, ông bụng mà anh thấy đó, cũng đều được ăn tất cả. Chúng nó cũng là "làng". Hễ ai là "làng", hôm nay đều được ra ăn, chỉ trừ đàn bà và những trẻ con ẵm ngửa.

Tôi vẫn chưa hiểu:

- Thế thì những tiền mua lợn, mua rượu, mua gạo đó ai ứng ra cho làng?

Anh Trúc trả lời:



- Chẳng ai phải ứng hết thầy, họ đi mua chịu tất cả. Mà hễ họ đã hỏi mua, thì ai cũng bán. Bởi vì bán chịu cho "làng" như thế, sau này có thể tính với khổ chủ một giá rất cao và tính bao nhiêu, khổ chủ phải trả bấy nhiêu, không được bớt xén một đồng nào hết.

- Nếu như khổ chủ không chịu thì sao?

- Khổ chủ không chịu thì họ phải lấy tiền làng mà chi. Nhưng rồi họ sẽ họp làng tại đình, đóng chiếc đinh cù vào cột đình và phát thệ rằng: "Nhà ấy đã không thêm tuân lệ làng, từ sau trở đi, những lúc làng có ăn uống, không ai được ngồi với người nhà ấy, và rồi nhà ấy có người nào chết, bất kỳ đàn ông, đàn bà, họ xa, họ gần, làng sẽ không khiêng". Ở thôn quê, cái người lúc sống không ai ngồi với, lúc chết làng không khiêng cho, là người cực nhục, sống cũng như chết. Vì vậy từ xưa đến nay, họ đã ăn vạ người nào, người ấy cứ phải bán nghiệp mà trả. Không ai dám bướng.

Anh ta đương nói, thì ở bên điếm, có tiếng nói lớn:

- Thừa "chạ"! Hôm nay từ trên già lão đến dưới trai đình, tất cả hơn hai trăm suất, ăn ba con lợn có lẽ không đủ, xin "chạ" cho bắt thêm một con nữa.

Thế rồi, một lúc sau, lại nghe có tiếng lợn kêu. Cuộc ăn uống linh đình mãi đến quá trưa mới tan. Chiều hôm ấy, tôi còn ở đó, đã có tin nói lão Sửu thắt cổ chết ở trong nhà, lý dịch còn đi khát quan về khám.

## Miếng thịt giò hậu

Hôm ấy vào khoảng thượng tuần tháng chạp. Trời đương quang đãng, tự nhiên thấy tối sầm lại. Gió bắc ở đâu kéo đến ùng ùng. Những đám mây đen tự phía chân trời lù lù tiến lên giữa trời, rồi hóa ra một tấm màn màu tro phủ kín bầu trời. Bằng cái hăng hái của người chạy mưa, tôi cứ trông thẳng cổng làng H.Đ. cắm đầu đi thật rảo bước. Tấm màn màu tro dần dần thấp xuống rồi những luồng chớp nhằng nhằng như đàn rắn vàng đuổi nhau ở nẻo xa xa. Rồi những tiếng sét vỡ trời từ góc trời nọ, dồn nhau sang góc trời kia chẳng khác tiếng tảng đá lớn từ đỉnh núi lăn xuống chân núi. Hột mưa rào rào sa xuống, như muốn giúp sức cho sự giá lạnh. Hai má tôi đã thấy buốt, hai tay tôi đã thấy cóng. Trong cái quán ở đầu cổng, đàn ông đàn bà đương chen vai nhau đứng vây chung quanh mấy bó mạ chiêm. Những lúc phong vũ bất tình, ai cũng muốn giữ thân nấy, khi nào họ chịu nhường chỗ cho một người lạ? Tôi đành đội mưa dò trên con đường làm lộ, định cố đi tới nhà một người bạn rồi nghỉ luôn thể.

Nhưng khi mới đến sân đình, trời càng mưa to, không thể liệu đi được nữa, tôi phải lánh lên thềm đình. Ở ngoài cổng đình lù lù tiến vào một lũ độ trên mười ông lão già. Ông nào cũng như ông nấy, đầu đội nón lá, lưng khoác áo tơi, tay chống một chiếc gậy tre lộc cộc. Sau khi đã chao chân vào cái vũng nước dưới giọt đình, các cụ lấy bẫy trèo lên thềm đình, và lò dò bước lên sân đình với những tiếng thít tha đáng ái ngại. Hết bọn ấy, lại tiếp bọn khác. Các cụ lẻ tẻ đến mãi. Những bọn sau không được đông như bọn trước, mỗi bọn độ vài bốn người. Trên đình có tiếng mâm bát leng keng. Mùi hương ngào ngạt trong đám tiếng người ào xào. Hẳn là người ta cúng lễ gì đó. Tôi không để ý và chăm chăm nhìn những giọt nước từ mái ngói chảy xuống sân gạch.

Trời tháng chạp mà sao mưa to làm vậy? Chỉ trong một lát sân đình nước chảy lênh láng, bong bóng trôi trên mặt nước lênh bênh. Gió bắc mỗi lúc mỗi thêm dữ dội; nó hất hột mưa tua tủa vào chỗ tôi đứng, như muốn đuổi tôi lên đình để xem cảnh tượng trên ấy ra sao. Dưới bức chần song ở phía sau đình, một chiếc mâm cao sơn đỏ chễm chệ kê giữa mảnh chiếu rách rạp. Trước mâm có để mấy bó vàng hồ, một chai rượu và mấy quả cau. Trên mâm là một tảng

xôi vuông vắn bằng cái lá nem và một miếng thịt lợn luộc ước chừng hai cân trở lại. Nén hương cắm trong mâm xôi cháy đã hết nửa, tàn hương rụng trên mặt xôi đen xỉ. Các cụ túm năm, tùm ba, bó gối ngồi trong mấy chiếc chiếu trải liền bên cạnh bao lợn. Tất cả độ bốn chục cụ, cụ nào cũng sắc mặt xám mét. Thấy tôi nhô lên, các cụ đều ngơ ngác nhìn. Lâu lâu, một cụ sẽ cất cái giọng run run của người bị rét:

- Ông khách vào chơi nhà ai?

Tôi đáp rất lễ phép:

- Thưa cụ, tôi vào thăm ông tú Tĩnh

Cụ khác lên giọng phều phào:

- Ấy! Nhà tôi cũng ở liền ngõ với ông ấy. Ông hãy ở đây lát nữa cùng đi với tôi.

Thì ra cụ này chính là cụ Thượng làng ấy. Sau khi tôi tỏ ý cảm ơn, một cụ nữa ngó vào cụ ấy và nói:

- Thôi hết hương rồi! Cụ Thượng "vái hạ" đi cho!

Cụ Thượng sẽ gật đầu, rồi lom khom đứng ra phía trước mâm xôi, cúi đầu vái luôn ba vái.

Trong đám có tiếng đồng dục, tôi không nhận ra tiếng cụ nào:

- Thằng Mới hạ mâm xuống để làm cỗ đi. Tất cả bốn mươi sáu suất, mười một cỗ rượu, với một cỗ nhà chứa, một cỗ cho mày. Làm mười bốn cỗ, còn thừa hai phần! Nghe không?

Với một tiếng dạ không được lễ phép cho lắm, thằng Mới nhanh nhẩu bưng mâm xôi thịt đến chỗ dao thớt giữa khi một cụ ít tuổi trong bọn lệch kệch nhắc mấy bó vàng ra chỗ bệ đình, phi phò thổi chiếc mời rơm, châm lửa.

Thằng Mới làm cỗ mới nhanh làm sao! Đồng vàng cháy chưa hết nửa, mười bốn mâm cỗ đã xong cả rồi. Nó bưng từng mâm đặt ra các chiếu. Mỗi mâm chỉ có một đĩa thịt mỏng, một bát nước mắm và một cục xôi bằng bánh xà phòng ba xu. Bốn một, tám hai, các cụ tự do ngồi vào các cỗ, không ai phải mời ai. Cụ Thượng sai thằng Mới bỏ cau quệt trâu đưa ra thết tôi:

- Mời ông xơi tạm miếng trâu. Chúng tôi xin thất lễ ông chén rượu. Hôm nay làng tôi có giỗ ông hậu. Mọi khi còn làm to hơn. Bây giờ thời buổi cải lương, nên có giảm đi đôi chút.

Chai rượu bị rót ra hai cái bát ở mâm thứ nhất, lần lượt chuyển xuống đến mâm cuối cùng. Các cụ bắt đầu cầm đũa. Một cụ lại gọi thằng Mới:

- Còn thừa hai phần, mày đem một phần chiếu lại lên mâm cụ Thượng, còn một phần nữa thì để cho người quá lộ!

"Người ta sắp sửa bố thí xôi thịt cho mình đây chắc?" Tôi đương tự hỏi như vậy, thì ở trong đám vừa thấy có người cất nghĩa:

- Ông khách hẳn chưa biết hai chữ "quá lộ" là gì. Chính nghĩa thì là những người qua đường, nhưng đây chúng tôi chỉ nói riêng bọn ăn mày. Là vì trong lúc dân làng ăn uống, thường thường vẫn có ăn mày đến xin. Dù ít dù nhiều, thế nào cũng phải cho họ. Bởi vậy, đám nào làm cỗ, cũng phải để dành cho họ, nếu họ không đến thì cho thằng Mới.

Dứt lời, các cụ lần lượt chia đũa mời nhau "đưa cay". Câu chuyện "cái giá cần đôi" của đất Hà Nội, tôi mới được nghe chưa từng được thấy, nhưng ở đám này tôi đã mục kích được một kiểu ăn uống còn có lễ độ hơn thế. Miếng thịt gấp lên, các cụ chỉ sẽ "nhắm" một chút xíu, rồi lại đặt luôn xuống bát của mình. Có lẽ cái chỗ bị "nhắm" nó chỉ lớn bằng hạt đỗ. Ngoài sân sấm vẫn ù ù, những hạt mưa đã nhỏ dần dần, chiều trời cũng quang dần. Tôi đương vờ vẫn trông trời trông đất, chợt thấy có tiếng đũa đặt xuống mâm leng keng. Chai rượu đã hết, các bát rượu đã cạn, các cụ đã cùng bữa tiệc, xôi thịt còn lại, đương bị chia ra làm phần. Tuy đứng xa tôi cũng trông rõ: mỗi phần chỉ có hai ba miếng thịt xâu vào cái tăm và một hòn xôi bằng quả ổi con đặt ở trên mảnh lá chuối. Mưa tạnh, các cụ lần lượt đứng dậy, ai nấy đội nón chống gậy mặc áo

tôi, lò dò bước xuống sân đình với một dáng bộ run rẩy. Cụ Thượng phều phào bảo tôi:

- Nào! Ông khách có vào nhà ông tú Tĩnh thì đi với lão. Hình như có vài hộp rượu, cơn rét của cụ lại càng tăng thêm. Ra khỏi đầu đình, hai ông chân cụ loạng choạng, xiêu vẹo, mấy lần xuýt ngã. Tôi phải chạy lại gần cụ, nắm lấy cánh tay và dắt cụ đi. Bằng hai hàm răng đập vào nhau cầm cập, cụ vừa đi vừa nói chân tình:

- Tôi gần tám mươi tuổi đầu, mà lúc mưa rét thế này, cũng cố dò đi ăn uống, chắc ông sẽ cho là già tham ăn. Thực ra, tôi có thiết gì miếng xôi, miếng thịt! Sờ dĩ cố đi, chỉ vì có mấy đứa cháu.

Ở nhà quê gạo ăn còn chẳng có, lấy đâu ra tiền mua thịt? Nếu không có miếng phần việc làng, thì những trẻ con quanh năm không được biết mùi thịt ra sao. Bởi thế, tôi phải dò đi, để lấy phần về cho chúng nó...

Câu chuyện chưa hết, cụ Thượng vừa tới cổng nhà, mấy đứa trẻ con, mặt xám như gà cắt tiết, thấy cụ liền reo một cách mừng rỡ như người được cứu:

- A! Ông đã về! Phần của cháu đâu?

Hình như chúng nó đợi cụ đã lâu lắm.

## Xâu lòng thờ

Một ngày hôm qua tôi thấy bác Hai Đắc đến nhà tôi trọ trước sau tới mười một lần: lần đầu tiên trời mới sáng rõ, lần cuối cùng chừng hết canh hai. Trừ ra lần thứ mười một vì tối quá, không thể trông rõ, còn các lần trước, tôi đều gặp bác. Lạ thay, lần nào cũng vậy, sau khi thấy nói ông chủ nhà tôi đi vắng, thì bác lập tức lật đật trở về với cái bộ mặt đầy vẻ sợ hãi. Hôm nay, trời còn mờ mờ, đã thấy tiếng bác vấp vẹo gọi cổng. Ông chủ nhà tôi cũng chưa về, nên bác không vào. Rồi cách một giờ sau, bác lại hoảng hốt chạy đến. Và vẫn bị thất vọng như lần trước, bác lại lủi thủi đi về bằng một dáng điệu cực kỳ buồn rầu. Với bác, tôi không phải là chỗ quen thuộc, vì trọ trong làng B.X. đã lâu nên tôi cũng có biết mặt, biết tên, hơn nữa tôi còn biết bác là người đàn độn, hiền lành, nhà khá, có trâu cày, có ruộng cấy. Bởi vậy, nay thấy thái độ khẩn cấp của bác, tự nhiên tôi cũng để ý suy nghĩ. Và tôi đoán rằng: chắc bác đã phạm một tội quan trọng, nếu không chứa đồ quốc cấm, tất là lỡ đánh chết người. Nhưng mà tôi làm. Nếu bác mắc phải một trong hai việc đó, thì từ hôm qua đến giờ, làng nước đã đồn ầm lên rồi, người ta đã gõ cửa gõ cửa bác điệu lên quan rồi, khi nào bác được xống xênh chạy đi, chạy lại? Huống chi một người cẩn thận như bác, đời nào có thể xảy ra những việc ghê gớm ấy? Thế thì có gì bác phải tìm ông chủ nhà tôi gấp quá như thế? Trời cũng không thể đoán được! Bóng nắng đã đến nửa thềm, bác lại lù lù tiến vào trước sân giữa những tiếng sửa xô xát của đàn chó dữ.

- Cụ đã về chưa? Anh nhỏ!

Thằng nhỏ vì phải đuổi chó cho bác nhiều lần, nó cũng phải phát cáu với bác:

- Chưa về! Làm gì mà đến hỏi luôn thế! Chỉ quấy rầy! Bác giả vờ như không nghe tiếng và lại quay mặt trở ra, toan đi. Vì muốn rõ cái chuyện cấp bách của bác, tôi cố gọi bác vào trong buồng học và hỏi:

- Bác tìm cụ Chánh có việc gì mà kíp như vậy? Nói cho tôi biết, xem tôi có giúp được chăng?

Bác cảm ơn tôi và đáp:

- Chỉ có cụ Chánh họa chăng mới cứu được tôi. Nếu hôm nay mà cụ không về, thì tôi đành phải ngồi tù. Rồi, như trong bụng nóng nẩy không thể ngồi yên, bác lại đứng dậy toan ra. Tôi phải an ủi, giữ bác ở lại để hỏi cho hết câu chuyện. Nể tôi quá, bác lại nén lòng ngồi xuống và kể đầu đuôi cái nạn phi thường của mình.

Thì ra trưa hôm kia, làng ấy làm lễ "thượng điền". Đó là cái lễ để trình với vua Thần nông và các cụ tiên nông trong làng đời xưa biết rằng: làng mình cày cấy đã xong.

Cũng như lễ "hạ điền" cử hành trong khi bắt đầu cấy lúa xuống ruộng, lễ này tại các thôn quê làng nào cũng có. Bởi vì làng B.X năm nay trời cho mưa nắng thuận hòa, suốt một vụ cấy, không nhà nào phải tát một khâu nước nào, hơn nữa, hễ cấy đến đâu lúa cứ xanh tốt ngùn ngụt đến đấy, không cần phân tro gì hết. Người ta tin rằng nhờ có quỷ thần ủng hộ mới được như thế. Cho nên, nhân ngày "thượng điền" làng có sửa một con lợn, trước là tạ ơn thần thánh, sau nữa cả làng ăn uống cho vui. Trong khi cúng tế, thịt lợn để nguyên cả da, lòng lợn cũng để nguyên cả giàn, nhưng phải thái lấy tám bát đủ cả dồi, tim, gan, phổi, lá lách, dạ dày, để bày vào mâm xôi thờ, người ta gọi là lòng thờ. Tế xong, đồ lễ hạ xuống, phận sự bốn người "bàn hóa" phải giữ công việc làm cỗ. Theo lệ làng, phần của trai làng chỉ có xôi thịt. Ngoài ra sỏ lợn, lăm lợn, nhỡn lợn, mũi lợn, rồi móng chân lợn và khấu đuôi lợn đều phải để làm phần biếu, để biếu từ cụ Chưởng lễ đến ông bàn nhĩ. Còn riêng tám bát lòng thờ thì phải để kính tám ông trên nhất có ra lễ thánh trong lúc cúng tế. Vì vậy, sỏ lòng lợn ấy lại có biệt hiệu là "lòng mũ áo". Bác Hai Đắc mới lên "bàn hóa" từ đầu năm nay. Trong bữa "việc làng" hôm kia, bác cũng dự một chân làm cỗ. Công việc thái thịt, bày thịt cho phần trai đình, sức bác làm dư đi rồi. Rắc rối cho bác, chỉ có cái sỏ phần biếu. Thẻ lệ kính biếu, không phải chỉ nói bằng miệng mà thôi. Ông nào được biếu thứ nào, đã có sổ sách biên chép rõ rệt. Cuốn sổ ấy có chữ cả làng ký kết, lại có trình quan trên duáệt y, nó là một pháp luật của làng, không ai được phép thay đổi. Một người "bàn hóa" biết chữ, khi chia phần biếu có thể giờ sỏ mà coi. Nhưng với những người không biết chữ nào, ít nhất cũng phải tập sự hai năm mới thuộc, bởi vì một năm chỉ được học việc có bảy tám lần mà thôi. Bác Hai Đắc không biết chữ gì, và lên bàn hóa mới già nửa năm, cố nhiên bác không thể thạo được chức vụ. Tuy vậy, hôm đó nhờ có ba người tuổi trên cang đáng, cho các phần cũng không làm lẫn. Khổ cho bác, chỉ tại một "xâu lòng thờ" của cụ Chưởng lễ. Hôm ấy cụ Chưởng lễ có ra chủ tế, phần cụ phải có một xâu lòng thờ là dĩ nhiên rồi. Tế xong cụ cũng mũ áo lễ thánh như các ông khác, theo lệ, cụ lại được hưởng xâu nữa. Bác Đắc không hiểu lệ đó, chỉ để phần cụ một xâu. Đến khi thẳng nhỏ đệ phần vào nhà, cụ Chưởng lễ kiểm lại số thịt thấy thiếu, tức thì cụ sai đầy tớ gọi bác đến nhà, ghép bác vào tội tự nhiên cắt phần của cụ, và bảo cho bác biết rằng: việc ấy cụ đã nhất định đưa lên quan xét, rồi cụ sai đuổi bác ra, không cho nói thêm câu nào. Mấy lần bác đã cạy người xin giúp, đều không đất nhờ. Bây giờ chỉ còn một cách nhờ cụ Chánh Cựu - tức là ông chủ nhà tôi - nói đỡ. Xưa nay cụ Chưởng lễ vẫn nể cụ này, nếu như cụ này chịu giúp cho bác, họa may bác được thoát nạn... Vì thế bác phải khẩn cấp đi tìm ông chủ nhà tôi. Nói đến đây, thấy bác rơm rớm nước mắt và thêm:

- Năm xưa một người bàn hóa cũng đánh mất phần của cụ Chưởng lễ, và bị cụ ấy đi kiện. Hai bên vật nhau từ huyện lên tỉnh lại sang Hà Nội. Rút lại, người bàn hóa đó tốn kém đến gần nghìn bạc mà vẫn bị phạt một đồng. Ấy là anh ta nhà giàu, biết lý luật, lại biết tòa nọ, sỏ kia, còn không chống nổi cụ ấy. Huống chi như tôi, tiền không có, từ thuở mẹ đẻ đến giờ không đến cửa quan bao giờ... nếu bị kiện, mười phần chắc phải ngồi tù cả mười. Rồi bác gạt nước mắt đứng dậy.

Ngoài sân nghe có tiếng giày sền sệt kéo trên mặt gạch. Ông chủ nhà tôi đã về. Bác Hai Đắc vội vàng nép vào cây cột gần đó, và vái một vái cực kỳ cung kính. Ông chủ nhà tôi điềm nhiên đi vào trong nhà. Sau khi bỏ khăn và cởi áo ngoài treo lên đỉnh cột, ông ấy ghé vào chỗ tôi, vớ lấy cái điếu, châm lửa hút thuốc. Chờ cho ông ta thở hết hơi khói trong miệng, bác Đắc khúm núm đi ra trước chiếc phản ngựa, thụp xuống lễ luôn hai lễ.

Ông chủ nhà tôi có vẻ ngạc nhiên và hỏi giọng:

- Mà làm cái gì thế, Đắc?

Bác Đắc với bộ lưng khom khom như hình con tôm, chấp tay đứng ở ngoài thềm, nước mắt chảy ra giàn giụa:

- Lạy cụ, xin cụ cứu con...

Ông chủ nhà tôi vẫn một giọng sừng sốt:

- Mà làm sao?

Bác này như lú lờn lại:

- Lạy cụ cứu con!

Ông chủ nhà tôi phải gắt:

- Nhưng mà cứu cái gì chứ? Thằng này điên à?

Bác Đắc đứng bên cửa vừa mếu vừa kể cho ông ấy nghe việc đánh mất phần của cụ Chường lễ và bị cụ ấy đe kiện. Ông chủ nhà tôi nhìn tôi, và cười tủm tỉm:

- Cái phải tổng lý chúng tôi có gớm hay không?

Rồi ngoảnh sang nhìn bác Đắc, ông ấy lại gặng:

- Bây giờ mày bảo tao đi lạy mượn cho mày à?

Bác Đắc chỉ nằn nì mãi một câu:

- Lạy cụ, xin cụ cứu con!

Ông chủ nhà tôi ngần ngừ một hồi, rồi đáp:

- Nói với con một già ấy khó lắm, phi tiền không xong. Nhưng cứ về đi, lát nữa tao đi cho. Chiều lại đây, công việc thế nào tao bảo.

Bác Đắc sung sướng vái chào chúng tôi rồi ra. Mặt trời tà tà, ông chủ nhà tôi khăn áo chỉnh tề ra đi. Một lúc lại thấy trở về và nói với tôi:

- Tôi đã biết mà. Lão Chường lễ làng tôi đều lắm, cái gì cũng tiền. Tôi đến nói hộ thằng Đắc, lão ta nhất định đòi hai điều này:

một là thằng Đắc giết lợn mời làng tế thánh để lấy một xôi lòng thờ biếu hần; hai là nó đền cho hần trăm bạc. Mà hần đã nói một trăm, ít ra cũng phải sáu chục mới xong. Ấy ở nhà quê khó thế, ông ạ! Có của đã chắc giữ được mà ăn đâu?

## Đôi giày mắt dạy

Tôi phải hết sức ngạc nhiên khi bắt đầu thấy anh Hai Thuyết. Người đâu mà lạ làm vậy! Cổ tay lớn bằng bắp chuối, ngón tay như hai chiếc dùi đục; những lúc anh vắn vành khó một - nhai, bao nhiêu bắp thịt chân chấn trong lớp da đồng tụ đều lộ ra hết, thì trông chẳng khác gì cái tượng lực sĩ ở Đền Đò. Tuy rằng lúc đó ảnh đã gần năm chục tuổi, nhưng còn gánh nổi hàng tạ và vắn đủ sức để cất cái búa bở củi một cách nhẹ nhàng. Ông chủ nhà tôi rất mến ảnh, quanh năm, suốt tháng, không dám rời ảnh mấy khi, sợ rằng người khác mượn mắt.

Vì thế, từ ngày đến trọ ở làng Đ. S tôi không ngày nào mà không gặp ảnh. Giọng nói ngây ngô, mộc mạc của ảnh vẫn là những thuốc giải muộn cho tôi trong lúc vô liêu. Vậy mà sáu, bảy hôm nay, chẳng thấy bóng ảnh đâu hết. Một người như ảnh cố nhiên không ai dám đoán là có tật bệnh.

Lúc đầu tôi tưởng rằng ảnh đi vắng. Nhưng mấy bữa sau thỉnh thoảng lại thấy tiếng ảnh ở nhà, tôi ngờ rằng ảnh có chuyện xích mích với ông chủ nhà tôi, nên không sang nữa.

- Không! Nó còn khổ về hai chiếc giày! Từ hôm rước được đôi giày về nhà đến giờ, nó phải bỏ cả làm ăn, không lúc nào đi ra khỏi cổng. Nếu còn giữ hai chiếc giày ấy không khéo có ngày vợ con nó sẽ chết đói.

Câu nói của ông chủ nhà khiến tôi càng lấy làm lạ, không sao hiểu nổi. Tôi phải phiền ông giảng lại một lượt. Thì ra năm nay làng ấy vào đám dầy chà, ảnh được cất làm thủ hiệu trống. Tuy chỉ là người cầm dùi đánh trống, nhưng ở đình đám, chức thủ hiệu vẫn sang hơn chức cầm cờ, cầm quạt, bất kỳ là thủ hiệu gì. Những ngày rước thần, thủ hiệu vẫn được đóng đai, đi ủng, đội mũ võ và mặc áo thụng, có người che lọng, có người cấp tráp đi hầu; nếu là mùa bức, họ còn thuê mượn đầy tớ vác chiếc quạt lông, thỉnh thoảng phẩy cho một cái là khác. Trong một chà đám, thủ hiệu được có sở riêng tại đình, góp tiền góp gạo, ăn uống ở đó, khi nào đoạn đám mới về. Sở của thủ hiệu, bao giờ cũng oai, có cờ, có trống, có tay thước, mã tấu... trang hoàng như dinh quận của ông đại tướng. Cho được xứng đáng với bấy nhiêu sự sang trọng, ngoài những quần lành, áo mới, các vị thủ hiệu lúc nào cũng phải xỏ chân vào giày, không được phép đi dép, đi guốc, nhất là không được đi đất. Thủ hiệu đi đất, ấy là để cho hàng tổng, hàng xứ chê cười làng mình, người ta vẫn tin như thế. Bởi thế, từ khi có tin được bỏ thủ hiệu, anh Thuyết

lập tức cậy người đi ra Hà Nội mua cho đôi giày da lộn, để góp với bạn đồng sự. Cái người ảnh cậy cũng đã sáng ý, thấy đôi bàn chân của ảnh đều là "xuất chúng" nó phàn phật như chiếc bàn cuốc và lớn bằng rưỡi bàn chân người thường, hẳn phải tìm khắp các cửa hàng giày, để chọn cho ảnh thứ giày "quá đại".

Vậy mà chân ảnh xâu vào, vẫn còn thừa một ngón út và nửa cái gót. Đòi ảnh sắm giày lần này là hai. Cả hai lần đều bất như ý. Lần trước, khi sắp cưới vợ, ảnh đã có mua một đôi. Vì đi không lọt, ảnh phải gác lên gác bếp, đến khi dây đàn ải đứt thì đem vứt đi. Lần này lại đi không vừa, ảnh phải bán lại cho một người làng rồi tự đem hai bàn chân lên tỉnh để thừa lấy một đôi khác. Bằng cái giá tiền gấp ba giày thường, người thợ giày mới chịu đo hai chân ảnh, để hẳn đệm cốt, lựa da, đóng cho ảnh đôi giày hợp thức. Chuyến này thì ảnh xâu lọt cả năm ngón chân, có điều nó cũng khí chặt. Ông chủ nhà tôi kể đến chỗ đó, rồi thêm:

- Không hiểu chân nó ra sao mà khi lồng vào chiếc giày, coi bộ cực kỳ ngỡ ngàng nghịu, chẳng khác đứa trẻ tập đi. Bởi vậy, nó phải nghỉ việc để học đi giày, ông sang mà xem, buồn cười hết sức.

Té ra thế gian lại có hạng người gần năm chục tuổi mới học xỏ chân vào giày, có lẽ cũng là một sự kỳ dị. Nhân lúc vô sự, tôi liền đi đến nhà ảnh để coi. Hình như ảnh sợ có người vào xem, nên đã đóng cổng kín mít. Tôi gọi hồi lâu, mới thấy ảnh ra mở cổng với cái bộ mặt bẽn lẽn. Bước vào trong nhà, chẳng thấy đôi giày đâu cả, hẳn là ảnh vì xấu hổ, nên đã cất vào buồng trong. Tôi đoán như vậy, rồi thử hỏi ướm:

- Nghe nói bác tập đi giày, nên tôi sang xem. Có việc gì mà phải giấu giếm. Chúng tôi lúc mới đi giày cũng phải học đến hàng tháng ấy chứ! Bác tưởng tự nhiên mà biết đi chẳng? Cứ đem ra mà tập đi, hề sai chỗ nào tôi sẽ bảo giúp.

Ảnh nhìn tôi bằng một bộ mặt ngờ ngác, đầy vẻ sung sướng:

- Thì ra các ông cũng phải tập ư? Tôi ngỡ là có mình tôi. Rồi ảnh đẩy cánh cửa buồng lấy đôi giày ra. Thảm hại! Đôi giày chẳng khác gì lũ tướng cướp bị bắt, mỗi chiếc có một sợi chuổi buộc ở phía gót, đầu chuổi còn dài lê thê. Thoáng trông tôi đã biết ngay những cái chuổi ấy dùng để làm gì, liền cười và nói:

- Bác cũng tinh đấy, có chẳng gót giày vào chân mình thì khi nhấc giày, nó mới khỏi rơi. Nào thử đi đi tôi xem.

Ra bộ đắc ý, ảnh bèn xâu chân vào giày và mỗi bên chân ảnh lại chằng đi, chằng lại hai ba vòng dây, giống như người ta trói con lợn vậy. Rồi ảnh đứng dậy, dõng dạc chống tay vào sườn, bắt đầu cất bàn chân đi. Nhìn ảnh, tôi thấy giống hệt những bà nạ dòng tiếc cái xuân xanh sắp hết, cố học đi giày cao gót để thi với bọn tân thời. Bởi vì, đôi giày của ảnh tuy đã chằng trói kiên cố, nhưng bộ giò ảnh vẫn phải rón rén rụt rè, không dám bước mạnh. Diễn quanh lòng nhà độ vài chục lần, ảnh thấy nó đã hơi quen, liền khoe:

- Thế nào, ông coi tôi đi đã được hay chưa?

Tôi cố nín cười và đáp: - Được rồi đấy! Bây giờ bác thử cởi dây mà đi xem sao! Vẫn cái nét mặt hớn hờ, ảnh lại ngồi xuống, tháo hết những nút chằng buộc của giày vào chân. Rồi ảnh thử đi giày không. Quái lạ làm sao! Chân ảnh xỏ vào chiếc giày, vừa mới giơ lên, thì nó đã bắn đi xa độ hai ba thước, y như người ta đá giày đi vậy. Mấy lần ảnh nhặt giày lại, cầm tay xâu vào bàn chân và ảnh mấm môi, nghiêng răng, cố quip cả năm ngón chân để giữ nó lại, nhưng cái đôi giày mất dạy như có thù với bàn chân ảnh, mỗi khi ảnh nhấc chân lên, nó lại bắn đi đánh phót một cái. Buồn rầu, ảnh nói bằng giọng năn nỉ:

- Ông hãy làm ơn mỗi ngày sang đây dạy tôi một lúc. Nếu mười ngày nữa mà tôi không đi được giày thì lúc vào đám, tôi đành cáo ốm nằm nhà. Ông thủ hiệu không biết đi giày, thật là nhục cho cả làng.

## Hộ đê

Nói đoạn, ông mặc áo toại, đội nón, bước chân ra ngoài mưa. Giọt nước to bắn rát cả mặt. Ngọn gió vu vu thổi bạt cả hơi. Nhưng ông cứ hăng hái. Nha lại Mĩ Hào phải theo sau. Đến chỗ đồng phu phen, ông dừng lại, nhìn họ một lát, rồi nói to:

- Các phu phen, hãy ngừng tay lại, nghe ta nói!

Mọi người im phăng phắc.

- Các anh phải cố giữ cho vững khúc đê này. Giời này còn mưa. Mà có khi bão to hơn nữa. Mà gió to, mưa to, ấy mới là nguy hiểm. Nhưng hãy quay cả lại, nhìn phía ruộng kia. Lúa má xanh tốt thế, mà không biết chừng bị ngập lúc nào đó! Song, không những lúa má bị ngập mà thôi đâu, nhà cửa các anh, cửa cải các anh, cả phần mộ tổ tiên các anh, không biết có được vững bền không đấy! Lúa má, nhà cửa, cửa cải, phần mộ có còn, cũng là do các anh có hết lòng hay không. Hai cánh tay các anh bây giờ mới là vật đáng quý, các anh phải lấy hết gân sức, dãn một hôm, hai hôm, để cứu lấy những thức quý hóa. Các anh không gắng dùng hết sức của hai cánh tay trong một, hai ngày này để giữ vững đê, thì các anh phải gắng sức gấp mười trong mười, mười lăm năm, mới lại được như hiện giờ. Giời mưa, lại bão. Các anh làm việc vất vả. Ta biết công cho các anh lắm. Ta là quan, tuy không có phần nào thiệt hại chung với các anh đâu, nhưng không đành tâm trông thấy các anh khó nhọc. Ta khuyên các anh nên mặc gió, mặc mưa. Đây này, ta không muốn hưởng sung sướng hơn các anh đâu!

Nói đoạn, ông bỏ nón, cởi áo toại, và tụt guốc ra, đưa cho người lính theo hầu, rồi vừa xắn áo vừa tiếp:

- Ta cũng chịu một phần khổ với các anh.

Ai nấy kêu la rầm rĩ:

- Không, xin quan lớn đừng thế!!

Quan Huyện nói to một lát đã thấy rát cổ. Gió lại làm bạt tiếng đi, nên ông phải nói to hơn:

- Thôi, các anh đừng nhìn ta nữa, lại bắt đầu làm việc đi. Lát nữa, sẽ có ba trăm người đến hợp sức với các anh. Khúc đê này không vỡ được! Các anh phải tin thế!  
Mọi người phấn khởi, rất hăng hái.

Chánh tổng ái ngại cho quan, nhăn nhó nói:

- Xin rước quan lớn mặc áo và đội nón.

Quan Huyện lắc đầu:

- Không, hãy cứu được khúc đê này đã.

Rồi ông bảo lý dịch đứng ốp phu:

- Các thầy nên thương con em. Phải ngọt ngào cho chúng nó vui lòng làm việc. Các thầy vớt cả roi mây đi. Tôi nghe nói ai đánh đập một tên phu nào, sẽ thẳng tay trừng trị.

Nước mưa thấm qua ba lần áo, quan Huyện đã thấy lạnh. Khăn và tóc ông dẫm những nước.

Mặt ông xám ngoẹt. Đứng trước gió, ông lạnh run lên. Nhưng nhìn lũ dân reo hò vui vẻ, ông đi đi lại lại, quên cả mưa bão.

Càng mưa. Càng gió. Gió ào ào. Mưa ào ào. Tạo hóa như muốn thỏa cơn thịnh nộ. Gió giật từng cơn rít trong cây. Luồng tây bắc thổi lại, đè dí thân cây xuống. Các cành cây trụi lá như cuồng dại, đánh vào nhau cuống quýt. Những hạt mưa như thi nhau chạy hết tốc lực về phía đông nam. Rồi cây gãy, mái tốc. Ngói tung lên từng mảng, bay đi xa, rơi xuống, vỡ loảng xoảng. Rồi cây đổ, nhà đổ. Hạt mưa mau làm mờ cả những nơi gần. Nước sông chảy cuộn cuộn, mỗi lúc một lên cao. Sóng lẫn đi, quật vào mạn đê, vỡ tung ra đánh ầm. Trời như căm người kiên tâm. Nước như giận con đê còn đứng vững. Trời, nước hợp sức nhau để tàn phá. Thỉnh thoảng, năm sáu làn sóng dồn dập, lẫn xả vào sườn đê. Nếu không có con trạch be thì đã nhảy xổ được sang đến đồng rồi.

Nhưng, theo gương quan Huyện, bọn phu vẫn bình tĩnh, vui vẻ làm việc. Hôm nay, năm sáu trăm người đứng ở giữa nước, vì trên là nước, dưới là nước, xung quanh cũng là nước, không một ai đội nón. Vì đội để làm gì? Nón có che được mưa này đâu! Để trên đầu, chỉ tổ bận tay phải giữ, vì quai nào lại được với sức gió! Họ như không để ý đến bão, đến mưa. Họ vẫn nhanh nhẹn lấy mai xắn đất, chuyên tay nhau những tảng lớn, để phụ vào con trạch cho to thêm. Dân mỗi làng một quãng đê. Họ thi nhau làm, xem bọn nào tất lực. Họ vẫn đùa nhau, vẫn cười vui vẻ. Từ quan, cho đến Chánh phó tổng, Chánh phó lý, ai nấy ướt như chuột lột, quần áo dán sát vào thân, môi thâm sít, rét run lẩy bẩy, nhưng không ai nói đến chuyện mưa, chuyện gió, không ai cầm một cái roi vọt để thị uy. Ai cũng ngọt ngào, dù cần phải giống giả con em làm việc. Họ nghiệm từ hôm qua, là làm những việc không công như đi phu đắp đê, hễ người cầm đầu mà ngọt ngào thì ai cũng tất lực, tất lực hơn mọi ngày phải trừng phạt bằng cách chôn chân hay cách đánh đập. Họ thấy lần này, phu phen và vật liệu, lấy dễ dàng hơn, dù mọi lần, công việc không vất vả bằng. Không có một người nào trốn. Không có một cây tre nào bị thái. Ai nấy đều vui lòng vâng mệnh quan mà chịu nhọc nhằn. Lý dịch không phải nài ép, bắt bớ ai, mà trong khi làm, không phải dọa dẫm, đe nẹt gì. Cây roi mây, lời quát tháo, không phải những thứ đặc dụng nữa.

- Nhà tôi để tóc hết mái!

Một người chột nói thế. Người khác đáp:

- Nhà tôi tất đồ rồi!

Lại người khác nói:

- Nhà tôi cũng chẳng vững vàng gì!

- Nhưng tôi kệ thầy, đã có đàn bà, trẻ con ở nhà.

Một giọng thân mật trả lời:

- Phải, mình giúp tay vào cứu lấy đê, nó mà vỡ thì mấy trăm, mấy nghìn nhà đều đổ sụp, dù là những nhà vững nhất.

Người ta quay lại, thì té ra là quan Huyện Văn Lâm. Quan Huyện mỉm cười. Và thấy có mặt ông, họ lễ phép, ngượng ngịu, nên ông nói luôn:

- Các anh có thấy bao giờ bão to như năm nay không?



- Dạ, lậ quan lớn, cái trận bão năm Thìn cũng to, đổ cả đình làng Vàng.

Một người khác bẩm:

- Bẩm, từ sáng đến giờ vẫn gió tây bắc.

Quan Huyện gật:

- Phải, từ đầu giờ Mão, bây giờ cuối giờ Thìn rồi.

- Thế thì, lậ quan lớn, bão năm Thìn chỉ gió mạnh hơn trận này, nhưng không lâu bằng.

- Vậy ra trận này tai hại hơn à?

- Dạ. Rồi lát nữa, gió xoay chiều mà lại mạnh và lâu như thế này, thì cây cối, nhà cửa nào đứng vững được!

- Tôi mong cho gió chóng đổi, chứ như bây giờ, thì chả cần sóng đánh vào đê, chỉ gió cũng có thể làm đổ đê được.

- Lậ quan lớn, liệu có khỏi lụt được không ạ?

- Các anh làm việc tận tâm như thế này thì dù mưa, dù bão to nữa cũng không hề gì. Tôi nói gió làm đổ đê là nói chơi, chứ Trời, Phật, Thánh, Thần nào nữ phụ công các anh! Chỉ có là gió tây bắc còn dai, ta còn vất vả mà thôi. Chứ nếu không hy vọng gì, tôi đã chả bắt các anh phải khó nhọc!

Một người đáp:

- Bẩm, khó nhọc thì có khó nhọc, nhưng mà chúng con chưa thấy bao giờ lại vui vẻ như thế này.

Quả vậy. Trông mặt họ, ai cũng biết là họ kiên chí và tận tâm. Họ cặm cụi làm việc. Chưa lúc nào họ uể oải. Từ đầu đến chân, ai nấy đất bùn như trát, tuy mưa dội xuống, nhưng không trôi đi được. Quan Huyện cũng lấm hết, Ông xắn quần đến đầu gối, chân đi đất, tay chống gậy cho đỡ trơn ngã. Ông đến chỗ nọ chỗ kia, nói chuyện với bọn này bọn khác. Ông rất vui lòng, vì gần dân, ông rõ ràng họ sợ ông nhưng vẫn yêu ông, mà cả sợ lẫn yêu là do thật bụng cả.

Bỗng người ta reo lên:

- A, gió đã đổi!

Ai nấy ngắc cổ lên nhìn. Ngọn cây bây giờ đã ngã về phía đông. Và hình như sức gió đã hơi yếu. Tuy vậy, cây nào cây nấy vẫn gục xuống, đứng lên, có vẻ khốn nạn như lậ lục vì bị đau đón.

Quan Huyện cho bắc loa gọi:

- Quan truyền gió đã đổi và yếu, đê có thể vững được, cho anh em nghỉ tay một lát.

Tiếng loa đi xa nhưng bị mưa ào ào, không mấy người nghe rõ. Song từ miệng họ truyền sang miệng kia, chỉ trong một loáng, phu ngừng làm việc. Cán mai chống ngược lên trời. Quang, thúng nghiêng ngả. Họ khum hai bàn tay vào nhau, hứng lấy nước, rửa mặt. Rồi sẵn mưa rào dội xuống, họ kỳ cọ chân tay, mình mẩy. Họ pha trò, tiếng cười vang dội khắp mọi nơi. Nhưng bỗng tiếng cười to hơn, vì giữa lúc họ đang tắm mưa thì nguồn nước tự nhiên ấy ngớt đi. Thành thử họ lại bơi bùn thêm khắp mình.

Một người ngửa lên trời, giục:

- Mưa nữa đi, người ta đang tắm dở dang!

Lại những hồi cười dòn tan. Người họ nhìn người kia, chế nhạo nhau bằng những lời ý vị.

Bỗng khu làng nào, thấy Phó lý ấy đến. Tay hắn cầm nón úp lại, nhưng không che lên đầu, mà trong nón lại có khói bay ra. Bọn phu bảo nhau:

- Chắc quan truyền lại bắt đầu làm.

Rồi họ đổ nhau:

- Đố ai biết thầy Phó cầm gì?

Người đoán thế này, kẻ đoán thế nọ, nhưng không đúng. Vì sự thực không ai ngờ đến. Khi Phó lý đến gần, mới nói:

- Nào ai hút thuốc thì lại, quan phát lửa cho đây.

Họ nhìn mỗi rơm che nón, nhưng chợt nghĩ ra, lại cười ồ:

- Ai cũng thèm hút, nhưng chỉ phải một nõi, là giới tẩm cả thuốc bằng nước mưa mát rồi.

- Có sẵn đây, quan thưởng mỗi làng một bánh, tha hồ hút. Quan bảo hết lại có.

- Thuốc lào ở đâu mà quý hóa thế?

- Quan vừa bảo cụ Chánh cho quan mua đấy.

Bọn phu xúm cả lại, quây quanh chiếc điếu cày. Anh họ thổi lửa, nhờ mấy người đứng che gió, rồi ghé điếu xuống dưới nón, ngửa cổ lên rít một hơi dài, rồi đưa anh kia đã chìa tay đón sẵn.

- Ban nãy mải làm việc, không ai nhắc đến hút thuốc nhỉ!

- May mà quên, chứ thèm thì làm thế nào?

- Đành chịu!

Thuốc ngon quá! Có anh nghiện nặng mà đã nhịn lâu, hút một hơi thực dài, rồi nuốt chửng cả khói vào ngực, một lát, mới mắt lơ dờ, há rộng miệng, thở ra. Có anh hút đến lần thứ hai cho bỏ cái khổ phải nhịn từ sáng.

- Nghỉ được đến bao giờ, hờ thầy?

- Bây giờ, ai có cơm lấy ra mà ăn, đến Ngọ lại bắt đầu làm.

- Quan truyền thế?

- Phải.

- Thầy liệu cái gió này rồi có mạnh và lâu như buổi sáng không?

- Không thể biết trước được, nhưng quan bảo hiện giờ gió thổi theo dọc đê, thế là vững, không sợ sóng, dù nước lên to đã có con trạch, không cần. Nên bây giờ, nhân lúc ngớt này mà nghỉ ngơi, ăn uống.

Dân phu tản mỗi người một nơi. Họ đến chỗ để lương thực. Họ có cơm và muối vừng, hoặc tôm rang, gói trong mo. Nhưng cả cơm lẫn thức ăn đều ướt đầm. Họ bốc cơm chắm vào đồ ăn. Cơm của họ đổ và rời rạc, nguội lạnh, lại ướt át. Nhưng họ ăn ngon lành lắm. Những người có thức ăn khác nhau, hợp lại một bọn, cùng hưởng với nhau. Vừa ăn, họ vừa nói chuyện về đê, về bão. Họ hỏi Phó lý:

- Không biết liệu làng ta có nhiều nhà đổ không?

- Thôi, quan bảo đừng lo nghĩ gì đến việc ấy vội. Đáng lẽ các anh phải ở đây ba hôm, nhưng vì suốt ngày hôm nay vất vả, quan đã cho đi bắt bọn khác để thay rồi. Chiều nay, bọn mới đến, ta được về, tha hồ mà chữa nhà.

Họ mừng quá, hỏi lại để đỡ ngờ vực:

- Thật à? Quan truyền thế à?

- Quan đã cho trát đi rồi.

Họ vỗ tay reo lên, báo cho nhau tin mừng. Họ nhìn qua cánh đồng trắng xóa những nước, về tới làng họ:

- Quan... nhân đức quá. Ngài thương dân như con...

Phó lý gật đầu:

- Cái đó đã hẳn.

## Gia thế ông Vũ Trọng Phụng

Hình như riêng ở phương Đông, cái nghèo cũng là cái trường đúc nên văn sĩ.

Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Dũ, Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha, mấy tay văn thơ có tiếng ở Tàu ngày xưa đều ở “trường nghèo” mà ra. Nghèo nhất thì là Đỗ Phủ, Đào Tiềm... Đào đã có lúc phải đi ăn xin, Đỗ đã bị một đứa con trai chết đói.

Ở ta cũng vậy. Trong hồi gần đây, ông Trần Tế Xương, “một tuồng rách rưới con như bố”, ông Nghiêm Phúc Đồng “chạy ăn từng bữa mướt mồ hôi”. Ông Nguyễn Khắc Hiếu tuy có xã hội giúp đỡ, trước khi nhắm mắt, một số đồ đạc cũng bị tịch thu vì thiếu tiền nhà.

Thì ra trong cái non nước Đông Phương, những người giàu có, không ai lọt vào cổng làng văn. Hoặc có, cũng là một số hủ họa.

Cái đó không có chi lạ. Giàu thì cơm no, cật ấm, ruột gan lú lúp, người ta còn chứa học vấn, tư tưởng vào đâu?

Vậy là riêng ở phương Đông đã có đạo nhất định: Phú quý thì không thể làm nhà văn. Đã làm nhà văn thì đừng mong gì phú quý. Đạo luật đó cũng giống câu Dương Hóa nói trong Mạnh Tử: “Vi phú bất nhân, vi nhân bất phú”.

Thế cũng phải. Cái người đã có tư tưởng học vấn để làm thỏa mãn tinh thần của mình, nếu lại giàu về tiền tài, chẳng là chiếm hết hạnh phúc của nhân loại! Trong đạo thừa trừ của tạo vật, không thể có sự bất công như thế.

Bởi vì chắc có luật ấy nên tôi không hề phàn nàn điều gì về thân thế ông Vũ Trọng Phụng. Trong các nhân vật làng văn hiện thời, ông Phụng là người nghèo lắm. Khắc hẳn những ông Trần Tế Xương và Nghiêm Phúc Đồng, cái nghèo của ông Phụng lại là thể “nghèo gia truyền”, không phải “nghèo lỗi”.

Nhưng người hiểu danh thường hay giấu giếm, gia thế, nếu như tiền nhân nhà họ không có người nào hiển đạt. Ông Phụng không có óc ấy, chính ông kể cho tôi biết tổ phụ ông chỉ làm lý trưởng, thân phụ ông chỉ là một người thường dân và đã tạ thế từ khi ông mới bảy tháng, tổ phụ ông mới ngoài sáu mươi. Ở nơi quê quán, ông không có lấy một tấc đất cắm dùi và đã lâu nay, vì khi ông bước chân tới.

“Tư tưởng xã hội của tôi nó đã kết lại từ trong mạch máu”.

Có lần ông nói với tôi như thế.

Người khác nghe những chuyện đó, có lẽ sẽ cho là ông xấu số. Nhưng tôi, tôi nhận thấy chính là cái may của ông.

Thật vậy.

Nếu được sinh trường vào nhà phú quý, hay được học hành thi đỗ, có một việc làm cao lương, thì ông cũng đến làm một cậu ấm phá của, hay một ông chủ xe hơi nhà lầu, xã hội ai còn biết ông là ai, tôi đâu có bạn với ông?

Nhờ về trong máu sẵn có tư tưởng xã hội, ông mới nên một nhà văn xã hội, để sản xuất cho người đời một số tác phẩm đáng khóc và đáng cười. Thế là cái nghèo gia truyền của ông có thể kể là một hòn đá tảng trong nền văn học sử của nước nhà vậy.

Tôi biết ông mới từ hồi làm báo Công dân, cách đây độ bốn, năm năm chi đó. Hồi ấy có lẽ là hồi quần bách nhất trong đời ông, vì rằng, ngoài báo Công dân ông không có chỗ làm nào khác, mà báo Công dân thì lại chỉ là cơ quan của một bọn anh em nhà văn nghèo dùm rau, dùm bép làm với nhau, ít khi trả tiền in rồi, trong kết được có tiền thừa mà trả cho người cầm bút.

Thế nhưng, ông cũng không tỏ ra mình cần tiền. Mỗi khi ở Gia Lâm sang nhà báo, ông cứ cặm cụi cuốc bộ đi, lại cuốc bộ về, hôm nào mỏi lắm mới lấy năm xu đi xe.

Một điều quan trọng hơn nữa là đời ông luôn luôn thấy sự túng thiếu, nhưng không lúc nào ông tự đem sự túng thiếu của mình mà làm phiền lụy người nào, dù khi túng thiếu cực điểm cũng vậy. Từ bữa nghe ông tạ thế, chẳng riêng gì các bè bạn, phần nhiều đọc giả các sách của ông đều lấy làm thương tiếc. Ngoài sự ái ngại cho cái gia đình thảm đạm của ông, người ta còn ái ngại cho cái số mệnh ngắn ngủi của ông là khác.

Đành rằng vậy. Trong một thế giới lắm người bảy tám, chín mươi, mà ông chỉ được có hai mươi tám tuổi, kể cũng thiệt thòi nhiều lắm.

Tuy vậy, vị tất ông đã chết non.

Đối với vũ trụ vô cùng vô tận, hai mươi tám tuổi với tám chín mươi tuổi không thể kể là ít với nhiều. Vì vậy, Trang Tử mới bảo Bành Tổ là yếu mà đứa trẻ con chết đẹn là thọ.

Thọ hay yếu, không quan hệ với với cái sống nhiều sống ít, nó quan hệ ở chỗ có gì để cho đời sau hay không. Xã hội chỉ thiếu những người làm nên công nghiệp, không thiếu những ông ăn nước thịt ép và bú sữa người. Ngoảnh lại mà xem, những ông bú sữa người và ăn nước thịt ép ngày xưa, đến nay còn có gì là di tích?

Ông Phụng tuy chết, mười mấy tác phẩm của ông vẫn còn sống với mai sau. Thế cũng là thọ.

Nhớ ông, thương ông, tôi cũng như các bạn của ông, nhưng không kể ông là người không thọ. Cái mà tôi lấy làm ân hận chỉ có một câu trả lời khi ông nằm trên giường bệnh.

Ông đau từ mấy năm trước. Trước khi chết độ sáu, bảy tháng, đã có một đêm nguy kịch. Sáng sớm hôm sau, ông cho gọi tôi lên nhà thăm bệnh và nói cho tôi biết rằng: Chiều hôm trước một viên bác sĩ chữa bệnh cho ông đã khuyên ông đi nhà thương. Trong đêm vừa rồi, ông đã làm sẵn mấy bản chúc thư. Ông bị đau phổi, vẫn sốt hăm hấp, ho ra đờm đặc. Từ mấy bữa trước, không thể gượng ngồi dậy được mà chỉ nằm được một bên sườn. Ho cũng đau, nói cũng đau, hể hơi trở mình thì trong sườn nghe có tiếng nước óc ách.

Bấy giờ người ông tuy đã tiêu nước, nhưng mạch hai tay vẫn còn có lực. Sau khi coi mạch và hỏi các chứng, tôi kê cho ông bài “nhị trần thang” hợp bài “nung thang” gia một lượng ý dĩ và dặn ông uống một ngày hai thang.

Sáng mai, tôi lại lên thăm, ông khoe với tôi bệnh đã bớt nhiều, có lẽ không chết. Từ đó ông cứ uống mãi đơn ấy, tuy thỉnh thoảng cũng thay đổi ít nhiều, nhưng đại thể vẫn không ngoài hai phương thuốc trước.

Một tháng sau, ông dậy được, đã đến thăm tôi ở báo Thời vụ. Đau ngực, đau sườn, tiếng nước óc ách, khô cá, chỉ có cái sốt hăm hấp không khỏi và sắc mặt ông vẫn xanh như người hết máu.

Rồi ông nói cho tôi biết trong vài bữa nữa, ông sẽ lên nghỉ Tam Đảo, để tránh cái không khí tù hãm của đất Hà Nội. Lúc ấy tôi có khuyên ông đừng đi, bởi vì ở đó không khí ẩm thấp, không lợi cho người đau phổi. Nhưng ông không nghe.

Lên Tam Đảo được tám ngày, thì ông phải về, vì ho nhiều và hai ống chân bị bại. Bấy giờ ông mới chịu tôi nói đúng và lại bảo tôi kê đơn.

Nghĩ không còn cách gì hơn, tôi lại thêm bớt hai bài thuốc cũ để ông uống xen với bài “nhân sâm dưỡng vinh” bỏ quế và kỳ. Lần này không có công hiệu, uống năm thang thuốc, bệnh tuy không tăng, nhưng cũng không giảm, hai chân vẫn bại không đứng dậy được. Vì muốn trút trách nhiệm cho người khác, tôi cố khuyên ông hãy dùng thuốc tây. Hình như ông cũng nhận thấy ý tôi, nên mới hỏi rằng:

- Bác tưởng tôi có chết không?

Câu hỏi của ông làm cho tôi buồn vô hạn, nhưng tôi vẫn bình tĩnh mà đáp lại rằng:

- Chết làm sao được!

Tôi nói dối ông. Thực ra, bệnh trạng của ông, còn ai dám chắc rằng sống! Tôi đã nhiều lần than với bè bạn rằng ông khó mà qua được đến mùa rét.

Nhưng ông tin tôi, cho nên trong hai tháng trời thôi thuốc ta uống thuốc tây, ông vẫn cho lời tôi nói có lý.

Nghe nói mấy bữa trước ngày lâm chung, ông mong tôi lắm. Không biết mong để làm gì, hay để trách tôi nói dối.

Nếu quả thế, tôi đành phụ ông. Nhưng vì không muốn để ông trước khi từ giã cuộc đời, ngoài cái lo nghèo, lại thêm một cái lo chết. Cho nên tôi phải nói thế. Nói thế vị tất đã là nói dối. Bởi vì một chồng tác phẩm của ông còn kia.

*Tao Đàn, số đặc biệt về Vũ Trọng Phụng, 1939*